

CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

Mã chứng khoán: PAP

Địa chỉ trụ sở chính: Cảng Phước An, ấp Bả Trường, xã Phước An, thành phố Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 02513 685588/ 19005168

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Văn Hoàng

Chức vụ: Trưởng phòng TCHC/ Thư ký HĐQT/ Người ủy quyền công bố thông tin

Loại thông tin công bố: Bất thường (24h)

Nội dung thông tin công bố: Ngày 25/09/2026 Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026, theo Nghị quyết, biên bản và tài liệu đính kèm.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào cùng ngày tại đường dẫn <https://phuocanport.com>. Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng./.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ
DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN
NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



Nguyễn Văn Hoàng

BIÊN BẢN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026

- Tên doanh nghiệp** : Công ty Cổ phần Dầu Khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An
- Địa chỉ trụ sở** : Cảng Phước An, ấp Bà Trường, xã Phước An, thành phố Đồng Nai, Việt Nam
- Mã số doanh nghiệp** : Số 3601010336 cấp lần đầu ngày 14/05/2008, điều chỉnh thay đổi lần thứ 15 ngày 06/05/2026
- Thời gian họp** : Bắt đầu: 8h30, ngày 25/09/2026
Kết thúc: 11h55, ngày 25/09/2026
- Địa điểm họp** : Phòng họp số 1, Văn phòng Cảng Phước An, ấp Bà Trường, xã Phước An, thành phố Đồng Nai, Việt Nam
- Đoàn Chủ tịch** : Ông Nguyễn Thành Đạt - Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa đại hội
Ông Trương Hoàng Hải - Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc Công ty - Thành viên
Ông Đào Minh Tùng - Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty - Thành viên
- Thư ký Đại hội** : Ông Nguyễn Văn Hoảng - Trưởng phòng TCHC – Thư ký đại hội
- Thành phần tham dự** : Cổ đông công ty (được xác định theo danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng 27/08/2026), các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Trưởng/ Phụ trách các Phòng, Ban chức năng Công ty.

A. KHAI MẠC ĐẠI HỘI**I. Công bố kết quả kiểm tra tư cách cổ đông**

Ông Bành Hoàng Nguyên - Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông, công bố Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông vào lúc 8 giờ 35 phút ngày 25/09/2026, như sau:

- Tổng số cổ đông của Công ty là: 311 cổ đông nắm giữ 357.000.000 cổ phần của công ty, trong đó:

+ Pháp nhân: 3 cổ đông nắm giữ 76.500.000 cổ phần

+ Thễ nhân: 308 cổ đông nắm giữ 280.500.000 cổ phần

- Tổng số đại biểu đến tham dự Đại hội gồm: 30 đại biểu, 30 đại biểu này nắm

giữ/nhận ủy quyền/đại diện cho 355.938.160 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,70 trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (danh sách cổ đông tham dự/ ủy quyền tham dự đính kèm).

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 2026 của Công ty Cổ phần Dầu Khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An đủ điều kiện để tiến hành.

II. Tuyên bố lý do giới thiệu khách mời và thành phần tham dự

Ban tổ chức đã tuyên bố lý do, giới thiệu khách mời, thành phần tham dự đại hội.

III. Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Thư ký đại hội và Ban kiểm phiếu

Ban tổ chức giới thiệu Đoàn chủ tịch và Thư ký đại hội. Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội tán thành, cụ thể:

1. Đoàn Chủ tịch

- Ông Nguyễn Thành Đạt - Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa đại hội
- Ông Trương Hoàng Hải - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc công ty - Thành viên
- Ông Đào Minh Tùng - Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc công ty - Thành viên

2. Thư ký đại hội

- Ông Nguyễn Văn Hoàng - Trưởng phòng TCHC - Thư ký đại hội

3. Ban kiểm phiếu

Ban tổ chức đã giới thiệu thành phần Ban kiểm phiếu do Đoàn chủ tịch đề cử. Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội tán thành, cụ thể:

- Ông Trần Lê Duy Vũ - Phòng Marketing và Đầu tư - Trưởng ban
- Bà Trần Thị Thái - Phòng Tổ chức Hành Chính - Thành viên
- Bà Đinh Trần Đan Nhi - Phòng Tổ chức Hành Chính - Thành viên

IV. Thông qua Chương trình nghị sự và Quy chế làm việc của Đại hội

Ban tổ chức đã trình bày Chương trình nghị sự và Quy chế làm việc của đại hội. Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự đại hội tán thành.

B. DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

I. Nội dung tại Đại hội

Trước khi diễn ra đại hội, theo yêu cầu của cổ đông Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 83/NQ-PAP ngày 21/09/2026 về điều chỉnh, bổ sung nội dung trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026. Các tài liệu liên quan đến cuộc họp đã được công ty gửi cho các cổ đông và đã cập nhật, đăng tải tại Mục Quan hệ cổ đông trên website công ty: <https://phuocanport.com> và được trình bày tại đại hội, cụ thể:

I. Điều chỉnh một số nhiệm vụ trọng tâm 2026 của công ty: Không chuyển đổi công năng Dự án đầu tư xây dựng Khu Dịch vụ hậu cần cảng Phước An diện tích 220,4ha thành Khu công nghiệp.

Ông Trương Hoàng Hải - Tổng Giám đốc/ Người đại diện pháp luật đã trình

bày Điều chỉnh một số nhiệm vụ trọng tâm 2026 của công ty: Không chuyển đổi công năng Dự án đầu tư xây dựng Khu Dịch vụ hậu cần cảng Phước An diện tích 220,4ha thành Khu công nghiệp, theo Văn bản số 75/PAP-HĐQT ngày 03/09/2026

2. Kế hoạch sản xuất, kinh doanh của Công ty giai đoạn 2026 - 2030

Ông Nguyễn Văn Hoảng – Trưởng phòng Tổ chức Hành chính đã trình bày Kế hoạch sản xuất, kinh doanh của Công ty giai đoạn 2026 – 2030, theo Tờ trình số 85/TTr-PAP ngày 21/09/2026

3. Phê duyệt chủ trương đầu tư Phần kỹ 3.2 - Dự án Đầu tư xây dựng Cảng Phước An.

Ông Nguyễn Viết Tinh – Giám đốc Ban Quản lý dự án Công ty đã trình bày Chủ trương đầu tư Phần kỹ 3.2 - Dự án Đầu tư xây dựng Cảng Phước An, theo Tờ trình số 84/TTr-PAP ngày 21/09/2026.

4. Điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An

Ông Nguyễn Viết Tinh – Giám đốc Ban Quản lý dự án Công ty đã trình bày nội dung Điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An, theo Tờ trình số 86/TTr-PAP ngày 21/09/2026.

5. Tờ trình Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty

Ông Nguyễn Văn Hoảng – Trưởng phòng Tổ chức Hành chính đã trình bày nội dung Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty, theo Tờ trình số 78/TTr-PAP ngày 03/09/2026.

6. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 – 2029

Ông Nguyễn Văn Hoảng – Trưởng phòng Tổ chức Hành chính đã trình bày nội dung Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 – 2029, theo Tờ trình số 79/TTr-PAP ngày 03/09/2026.

II. Đại hội thảo luận

- Ông Đào Minh Tùng - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc, Người đại diện phần vốn của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam) đã có ý kiến tại Đại hội cổ đông bất thường năm 2026 như sau:

Dự án Cảng Phước An là một nội dung trong Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nay là Tập đoàn Công nghiệp Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam) và Tỉnh Đồng Nai. Mục tiêu của Dự án là tận dụng tiềm năng của 2 Bên, phát triển Dự án, thay đổi cơ cấu kinh tế và phát triển kinh tế xã hội của Địa phương. Do luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ của Lãnh đạo Petrovietnam và Lãnh đạo UBND tỉnh, toàn bộ các vướng mắc phát sinh của Dự án đã được tháo gỡ.

Mặc dù, không phải là lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Petrovietnam, nhưng với vai trò là đầu tàu kinh tế của cả nước, Petrovietnam vẫn luôn quan tâm, phối hợp với địa phương, đồng hành cùng các cổ đông Công ty thúc đẩy dự án từ ý tưởng, chủ trương trên giấy thành hiện thực, kết quả tới nay Dự án đã hoàn thành phần lớn, đưa vào vận hành khai thác, tạo bước nhảy vọt về lợi thế cạnh tranh cho địa phương, tạo dòng tiền từ các dự án.

Do Dự án đã đủ sức để hoạt động độc lập, nhằm tập trung nguồn lực cho các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, sau khi hoàn thành sứ mệnh tại Dự án, theo chỉ đạo của Chính phủ, Petrovietnam sẽ thực hiện thoái toàn bộ vốn tại PAP. Petrovietnam đề nghị

Ban điều hành Công ty căn cứ nhu cầu thị trường, tính toán hiệu quả đầu tư và quản lý chặt chẽ các chỉ tiêu, tiến độ đầu tư các dự án, khai thác hiệu quả các Dự án đã đầu tư, nâng cao hiệu quả hoạt động, đảm bảo hiệu quả đầu tư, đảm bảo quyền, lợi ích của các cổ đông và các bên liên quan.

Đề nghị PAP: (i) Cung cấp đầy đủ các văn bản của Cấp có thẩm quyền để đảm bảo sự thống nhất giữa quy hoạch được phê duyệt và mục đích sử dụng đất đối với diện tích 220,4 ha, đồng thời cập nhật thông tin về ý kiến, chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền tới các cổ đông, thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật; (ii) PAP chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và mọi thiệt hại phát sinh (nếu có).

Đề nghị PAP chưa đưa Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026-2030 vào Chương trình và nội dung họp ĐHĐCĐ do chưa đầy đủ nội dung, chưa đảm bảo quyền lợi của cổ đông (NĐĐPV của PetroVietnam đã có Công văn số 1722/PAP-CNNL ngày 07/9/2026 về vấn đề này). Đề nghị PAP hoàn thiện kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026-2030 của PAP bảo đảm phù hợp với nội dung của pháp luật, quyền và lợi ích của cổ đông trong đó có Petrovietnam, chịu trách nhiệm trong trường hợp việc này tác động, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của PetroVietnam theo quy định của pháp luật.

Liên quan đến việc sửa đổi điều lệ: Tán thành các nội dung sửa đổi liên quan đến việc cập nhật các thuật ngữ, khái niệm, địa chỉ trụ sở theo địa giới hành chính mới phù hợp với quy định Luật Doanh nghiệp, Nghị định 245/2025/NĐ-CP và các quy định có liên quan. Không tán thành việc giảm số lượng thành viên HĐQT từ 07 xuống 05 thành viên; đồng thời đề nghị PAP: (i) nghiên cứu sửa đổi khoản 3 Điều 12 Điều lệ PAP và các quy định có liên quan, cụ thể đề nghị quy định cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT, BKS, (ii) đề nghị sửa đổi, bổ sung các quy định để bảo đảm PetroVietnam có người đại diện tham gia HĐQT và Ban Kiểm soát do PetroVietnam là cổ đông sáng lập của PAP.

- Các cổ đông khác của Công ty có ý kiến: Đề nghị Công ty xác nhận, giải trình Tổng mức đầu tư Khu cảng lên khoảng 28 ngàn tỷ, việc mở rộng cầu bến so với tương lai, các hãng tàu, sản lượng trong tương lai.

- Ngoài ra một số cổ đông đề nghị Ban điều hành tăng cường công tác quản trị, nhằm kinh doanh, khai thác có hiệu quả Phân kỳ 1, một phần phân kỳ 2; Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng Phân kỳ 2, Phân kỳ 3 nhằm đáp ứng một phần nhu cầu hàng hóa xuất nhập khẩu của các khách hàng trong và ngoài khu vực, tăng hiệu quả đầu tư, mang lại lợi ích tối đa cho các cổ đông; Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng Khu Công nghiệp Phước An và Khu Dịch vụ hậu cần Cảng Phước An nhằm đưa vào kinh doanh, khai thác đáp ứng một phần nhu cầu sử dụng của các khách hàng trong và ngoài nước góp phần thu hút hợp tác đầu tư tham gia vào dự án.

Đoàn chủ tịch đã phúc đáp các ý kiến của cổ đông: Hội đồng quản trị đã hoàn thiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026 - 2030 theo đúng Công văn số 7234/DKVN-KHĐT ngày 04/10/2024 của Petrovietnam, giải trình việc tăng tổng mức đầu tư khu cảng theo nhu cầu thực tế. Tiếp thu các ý kiến của các Cổ đông và sẽ triển khai trong quá trình điều hành hoạt động. Thời gian tới, ngoài việc khai thác Phân kỳ 1, Phân kỳ 2 dự án Cảng Phước An, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện đầu tư xây dựng các Phân kỳ còn lại của dự án. Đồng thời triển khai đẩy nhanh các thủ tục liên quan đến đầu tư Khu Công nghiệp Phước An và Khu Dịch vụ hậu cần Cảng Phước An do đó Công ty mong muốn tiếp tục nhận được sự quan tâm, ủng hộ và đồng hành của các cổ đông.

C. BIỂU QUYẾT CÁC NỘI DUNG

Cổ đông đã tiến hành biểu quyết các nội dung tại các Báo cáo, Tờ trình đã trình bày tại đại hội và bỏ phiếu vào thùng phiếu đã chuẩn bị tại đại hội.

Ông Trần Lê Duy Vũ thay mặt Ban kiểm phiếu công bố biên bản kiểm phiếu biểu quyết với kết quả như sau:

1. Kết quả bỏ phiếu biểu quyết các nội dung

Stt	Nội dung	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Điều chỉnh một số nhiệm vụ trọng tâm 2026 của công ty: Không chuyển đổi công năng Dự án đầu tư xây dựng Khu Dịch vụ hậu cần cảng Phước An diện tích 220,4ha thành Khu công nghiệp			
-	Cổ phần tán thành	320.938.160	90,2%	
-	Cổ phần không tán thành	35.000.000	9,8%	
-	Cổ phần không ý kiến	0	0,0%	
-	Cổ phần không hợp lệ	0	0,0%	
2	Kế hoạch sản xuất, kinh doanh của Công ty giai đoạn 2026 - 2030			
-	Cổ phần tán thành	320.938.160	90,2%	
-	Cổ phần không tán thành	35.000.000	9,8%	
-	Cổ phần không ý kiến	0	0,0%	
-	Cổ phần không hợp lệ	0	0,0%	
3	Phê duyệt chủ trương đầu tư Phân kỳ 3.2 - Dự án Đầu tư xây dựng Cảng Phước An			
-	Cổ phần tán thành	320.938.160	90,2%	
-	Cổ phần không tán thành	35.000.000	9,8%	
-	Cổ phần không ý kiến	0	0,0%	
-	Cổ phần không hợp lệ	0	0,0%	
4	Điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An			
-	Cổ phần tán thành	320.938.160	90,2%	
-	Cổ phần không tán thành	35.000.000	9,8%	
-	Cổ phần không ý kiến	0	0,0%	
-	Cổ phần không hợp lệ	0	0,0%	
5	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty			
-	Cổ phần tán thành	320.938.160	90,2%	
-	Cổ phần không tán thành	35.000.000	9,8%	
-	Cổ phần không ý kiến	0	0,0%	
-	Cổ phần không hợp lệ	0	0,0%	
6	Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty			
-	Cổ phần tán thành	320.938.160	90,2%	
-	Cổ phần không tán thành	35.000.000	9,8%	
-	Cổ phần không ý kiến	0	0,0%	
-	Cổ phần không hợp lệ	0	0,0%	

Stt	Nội dung	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
7	Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty			
-	Cổ phần tán thành	320.938.160	90,2%	
-	Cổ phần không tán thành	35.000.000	9,8%	
-	Cổ phần không ý kiến	0	0,0%	
-	Cổ phần không hợp lệ	0	0,0%	
8	Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 - 2029			
-	Cổ phần tán thành	320.938.160	90,2%	
-	Cổ phần không tán thành	35.000.000	9,8%	
-	Cổ phần không ý kiến	0	0,0%	
-	Cổ phần không hợp lệ	0	0,0%	

2. Kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 - 2031

- Chủ tịch HĐQT đã gửi Thông báo số 74/TB-PAP ngày 03/09/2026 đến các cổ đông về đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 - 2031 tại Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An. Danh sách ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 - 2031 được Đại hội đồng cổ đông thông qua gồm:

1. Ông Nguyễn Thành Đạt
2. Ông Trương Hoàng Hải
3. Ông Nguyễn Thái Phúc
4. Ông Trần Nhân Tâm
5. Ông Nguyễn Hữu Thắng

- **Kết quả bầu:**

Stt	Họ và tên	Số phiếu bầu	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Thành Đạt	342.731.396	
2	Ông Trương Hoàng Hải	320.366.476	
3	Ông Nguyễn Thái Phúc	313.880.976	
4	Ông Trần Nhân Tâm	313.855.976	
5	Ông Nguyễn Hữu Thắng	313.855.976	
Tổng cộng		1.604.690.800	

3. Kết quả bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2026 - 2031

Sau khi có kết quả bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2026 - 2031, Hội đồng quản trị đã họp phiên đầu tiên để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị, kết quả: Ông Nguyễn Thành Đạt trúng cử Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2026 - 2031 với 100% biểu quyết tán thành của các thành viên tham dự họp.

D. THÔNG QUA BIÊN BẢN ĐẠI HỘI

- Ông Nguyễn Văn Hoảng - Thư ký Đại hội đã đọc toàn văn Biên bản họp và Dự thảo Nghị quyết Đại hội.

- Đoàn chủ tịch lấy ý kiến biểu quyết bằng thẻ biểu quyết, 100% số phiếu biểu quyết nhất trí thông qua Biên bản, Nghị quyết đại hội.

- Đại hội giao Đoàn chủ tịch và Thư ký Đại hội hoàn thiện các Văn kiện của Đại hội và giao Chủ tọa Đại hội ký các Văn kiện, Nghị quyết liên quan đến các Nội dung đã được thông qua tại Đại hội.

Đại hội kết thúc vào hồi 11h55 ngày 25/09/2026

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Nguyễn Văn Hoảng

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Thành Đạt

Nơi nhận:

- Các cổ đông PAP (Website);
- HĐQT PAP;
- BKS PAP;
- Ban TGD PAP;
- UBCK nhà nước (HDS);
- Sở GDCK Hà Nội (HNX);
- Lưu: VT, HĐQT.

DANH SÁCH CÔ ĐỒNG THAM DỰ, ỦY QUYỀN

Stt	Họ Và Tên	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh Hoàng	
2	Trần Mạnh Cường	
3	Trần Bá Tài	
4	Trần Phi Hùng	
5	Võ Thị Hồng Thắm	
6	Bùi Hữu Quốc Bảo	
7	Hoàng Thanh Hùng	
8	Phan Thế Anh	
9	Bành Xuân Hoài	
10	Võ Trung Thành	
11	Trương Công Bình	
12	Trần Nhân Tâm	
13	Trương Công Nghĩa	
14	Trần Văn Nguyễn	
15	Trần Bảo Chung	
16	Hà Văn Nam	
17	Phạm Hồng Khánh	
18	Phạm Văn Khánh	
19	Lê Đình Nghiệm	
20	Nguyễn Tiến Trung	
21	Nguyễn Quốc Hưng	
22	Phạm Quốc Chí	
23	Mê Văn Phương	
24	Hoàng Đức Thế	
25	Trần Hữu Dũng	
26	Trần Ngọc Anh	
27	Vũ Ngọc Thắng	
28	Công ty TNHH MTV Hoành Sơn	
29	Công ty TNHH TM DV Đại Lộc Phát 68	
30	Tập Đoàn Công Nghiệp – Năng Lượng Quốc Gia Việt Nam	



NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026 CỦA CÔNG TY
CÓ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 số: 91/BB-PAP ngày 25/09/2026 của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc điều chỉnh một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 của Công ty: Không chuyển đổi công năng Dự án đầu tư xây dựng Khu Dịch vụ hậu cần cảng Phước An diện tích 220,4ha thành Khu công nghiệp, cụ thể:

1. Không tiếp tục thực hiện phương án đầu tư dự án khu công nghiệp Phước An từ Dự án Khu Dịch vụ hậu cần Cảng Phước An diện tích 220,4ha.
2. Tiếp tục đầu tư Dự án Khu Dịch vụ hậu cần cảng Phước An diện tích 220,4ha hiện hữu.
3. Giao Tổng Giám đốc Công ty triển khai các thủ tục liên quan để đầu tư xây dựng Dự án Khu Dịch vụ hậu cần cảng Phước An theo quy định hiện hành trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

Điều 2: Thông qua Kế hoạch sản xuất, kinh doanh của Công ty giai đoạn 2026 - 2030, theo Tờ trình số 85/TTr-PAP ngày 21/09/2026.

Điều 3: Thông qua chủ trương đầu tư Phân kỳ 3.2 - Dự án Đầu tư xây dựng Cảng Phước An, theo Tờ trình số 84/TTr-PAP ngày 21/09/2026.

Điều 4: Thông qua việc điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An, theo Tờ trình số 86/TTr-PAP ngày 21/09/2026.

Điều 5: Thông qua sửa đổi, bổ sung:

- Thông qua sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Dầu Khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An;
- Thông qua sửa đổi bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Dầu Khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An;
- Thông qua sửa đổi bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dầu Khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An.



Điều 6: Thông qua việc miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 - 2029, cụ thể:

1. Miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 – 2029, gồm:

Ông Nguyễn Thành Đạt - Thành viên HĐQT/Chủ tịch HĐQT;

Ông Đào Minh Tùng - Thành viên HĐQT;

Ông Nguyễn Hữu Thắng - Thành viên HĐQT;

Ông Trương Hoàng Hải - Thành viên HĐQT;

Ông Nguyễn Thái Phúc - Thành viên HĐQT;

Ông Nguyễn Hồng Sơn - Thành viên HĐQT;

Ông Trần Nhân Tâm - Thành viên HĐQT.

2. Việc miễn nhiệm có hiệu lực kể từ thời điểm Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 7: Thông qua kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 – 2031, cụ thể:

1. Thành viên Hội đồng quản trị:

- Ông Nguyễn Thành Đạt;

- Ông Trương Hoàng Hải;

- Ông Nguyễn Thái Phúc;

- Ông Trần Nhân Tâm;

- Ông Nguyễn Hữu Thắng.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Căn cứ kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 - 2031, Hội đồng quản trị đã họp và bầu ông Nguyễn Thành Đạt làm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2026 - 2031 theo quy định.

Kèm theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 89/BB-PAP ngày 25/09/2026.

Điều 8: Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty giao Đoàn Chủ tịch và Thư ký Đại hội hoàn thiện các văn kiện của Đại hội; giao Chủ tọa Đại hội – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty ký các văn kiện, nghị quyết liên quan đến các nội dung đã được thông qua tại Đại hội.

Điều 9: Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty thông qua ngày 25/09/2026. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc và các cá nhân, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như điều 9;
- UBCK nhà nước (IDS);
- Sở GD&ĐT Hà Nội (HNX);
- Website PAP;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT**

NGUYỄN THÀNH ĐẠT



NGHỊ QUYẾT

Vv Thông qua chủ trương đầu tư Phân kỳ 3.2 - Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 số: 91/BB-PAP ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An số 92/NQ-PAP ngày 25 tháng 9 năm 2026.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua chủ trương đầu tư Phân kỳ 3.2 - Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An, với các nội dung sau:

1. Thông qua chủ trương đầu tư Phân kỳ 3.2 - Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An, cụ thể:

- Tên dự án đầu tư: Phân kỳ 3.2 - Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An;
- Mục tiêu đầu tư: Nâng cao năng lực khai thác cảng, phát triển các hoạt động logistics và dịch vụ liên quan, phù hợp với quy hoạch và định hướng phát triển của Công ty;
- Địa điểm đầu tư: Cảng Phước An, Ấp Bà Trường, Xã Phước An, Thành phố Đồng Nai;
- Quy mô: Diện tích 45 ha; chiều dài cầu cảng 985 m; chiều rộng cầu cảng 48 m;
- Tổng mức đầu tư dự kiến: 5.982,5 tỷ đồng.
- Nguồn vốn đầu tư:
 - + Vốn chủ sở hữu của Công ty;
 - + Vốn vay từ ngân hàng, tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính;
 - + Vốn huy động thông qua các hình thức huy động vốn hợp pháp khác;
 - + Các nguồn vốn hợp pháp khác;
- Tiến độ thực hiện dự kiến: 2026 - 2027.

Quy mô, tổng mức đầu tư và thời gian thực hiện sẽ được cập nhật trên cơ sở thiết kế, dự toán được lập, thẩm tra, thẩm định và được Hội đồng quản trị phê duyệt theo quy định.



Điều 2: Thông qua ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

1. Tổ chức triển khai lập thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán, lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu và thực hiện các thủ tục có liên quan đến đầu tư xây dựng Phân kỳ 3.2 - Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An theo quy định;
2. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, tổng mức đầu tư chính thức trên cơ sở thiết kế, dự toán được lập, thẩm tra và thẩm định theo quy định; phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Phân kỳ 3.2 - Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An;
3. Thực hiện các thủ tục tăng vốn điều lệ và huy động vốn chủ sở hữu nhằm bảo đảm nguồn vốn đối ứng để triển khai đầu tư xây dựng Phân kỳ 3.2 - Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An;
4. Quyết định phương án huy động vốn, thu xếp và sử dụng nguồn vốn để thực hiện Phân kỳ 3.2 - Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An, bao gồm vốn chủ sở hữu, vốn vay, hạn mức tín dụng và các nguồn vốn hợp pháp khác; quyết định việc vay vốn, ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng vay, thỏa thuận tài trợ và các tài liệu có liên quan;
5. Quyết định các biện pháp bảo đảm cho nghĩa vụ tài chính của Công ty liên quan đến việc huy động vốn thực hiện Phân kỳ 3.2 - Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An, bao gồm thế chấp, cầm cố tài sản, tài sản hình thành trong tương lai và các biện pháp bảo đảm khác theo quy định pháp luật;
6. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, nhà cung cấp; đàm phán, ký kết và thực hiện các hợp đồng phục vụ triển khai Phân kỳ 3.2 - Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An và quyết định các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
7. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tình hình triển khai Phân kỳ 3.2 - Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dầu Khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Thành Đạt

NGHỊ QUYẾT

Vv Thông qua Điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 số: 91/BB-PAP ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An số 92/NQ-PAP ngày 25 tháng 9 năm 2026.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An với các nội dung như sau:

1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng cảng Phước An
2. Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng cảng Phước An
3. Quy mô dự án: Đầu tư xây dựng cảng Phước An là cảng biển quốc tế, đầu mối trong khu vực, đón tàu có tải trọng đến 60.000 DWT, gồm 09 bến với tổng chiều dài 2.830 m.

Trong quá trình thiết kế, tính toán kết cấu bến đảm bảo đáp ứng khai thác tàu có tải trọng lớn hơn trong tương lai khi cảng được nâng cấp quy hoạch.

4. Địa điểm thực hiện dự án: xã Phước An, thành phố Đồng Nai.
5. Diện tích sử dụng đất khoảng: 164,4 ha.
6. Tổng mức đầu tư của dự án: 28.351.972.704.768 đồng, trong đó vốn góp thực hiện dự án là 4.252.795.905.715 đồng (chiếm 15% tổng mức đầu tư), được chia làm 3 phân kỳ đầu tư:
 - a. Phân kỳ 1 (từ năm 2017 - 2024): tổng vốn đầu tư là 5.294.552.252.000 đồng, trong đó vốn Chủ sở hữu 794.182.837.800 đồng.
 - b. Phân kỳ 2 (từ năm 2024 - 2027): tổng vốn đầu tư là 8.584.314.934.596 đồng, vốn chủ sở hữu 1.287.647.240.189 đồng, trong đó:
 - Phân kỳ 2.1 là 7.539.439.122.099 đồng, vốn chủ sở hữu 1.130.915.868.315 đồng.
 - Phân kỳ 2.2 là 1.044.875.812.497 đồng, vốn chủ sở hữu 156.731.371.875 đồng.



b. Phân kỳ 3 (từ năm 2025 - 2031): tổng vốn đầu tư là 14.473.105.518.172 đồng, vốn Chủ sở hữu là 2.170.965.827.726 đồng, trong đó:

- Phân kỳ 3.1 là 8.490.609.713.172 đồng, vốn chủ sở hữu 1.273.591.456.976 đồng.

- Phân kỳ 3.2 là 5.982.495.805.000 đồng, vốn chủ sở hữu 897.374.370.750 đồng.

7. Tiến độ thực hiện dự án: Từ năm 2017 - 2031, được đầu tư theo 3 phân kỳ:

a. Phân kỳ 1 (từ năm 2017 - 2024): Thực hiện xây dựng 02 bến container khai thác đồng thời hàng container và hàng tổng hợp, cầu nội bộ, bãi container, bãi hàng tổng hợp, đường nội bộ, nhà điều hành chính, trạm cấp điện, kho xưởng, các hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, phòng cháy chữa cháy, thông tin liên lạc, cổng cảng, trạm cân, hàng rào và nhà vệ sinh.

b. Phân kỳ 2 (từ năm 2024 - 2027): Thực hiện xây 03 bến container, cầu nội bộ, bãi container, bãi hàng tổng hợp, bãi tập kết thiết bị, bãi đỗ xe, đường nội bộ, kho kín, xưởng sửa chữa, khu sửa chữa RTG, nhà điều hành phụ, nhà nghỉ công nhân, trạm hải quan, trạm cấp điện, trạm cấp nước, trạm cấp phát xăng dầu, trạm xử lý nước thải, khu vệ sinh container, trạm gom rác, nhà bảo vệ, cổng cảng, cây xanh.

c. Phân kỳ 3 (từ năm 2025 - 2031): Thực hiện xây 02 bến container, 02 bến hàng tổng hợp, cầu nội bộ, bãi container, bãi hàng tổng hợp, xưởng sửa chữa, khu sửa chữa RTG, khu vực vệ sinh container, trạm hải quan, trạm cấp điện, trạm cấp nước, trạm cấp phát nhiên liệu, trạm gom rác, đường nội bộ, kho kín, cây xanh, hoàn thiện toàn bộ công trình.

Các nội dung điều kiện nhà đầu tư; thời gian hoạt động dự án tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7530322848 ngày 03/07/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp không thay đổi.

8. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý thực hiện dự án. Ban Quản lý dự án trực thuộc Công ty PAP thay mặt Chủ đầu tư quản lý công tác đầu tư xây dựng.

Điều 2: Thông qua Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

1. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị tổ chức thực hiện, quyết định và phê duyệt các công việc, thủ tục cần thiết để triển khai Dự án Đầu tư xây dựng Cảng Phước An, bao gồm việc điều chỉnh Dự án, đầu tư các Phân kỳ còn lại và các nội dung có liên quan, trên cơ sở chủ trương được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận tại Điều 1 của Nghị quyết này phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

- Làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và thực hiện các thủ tục liên quan đến việc điều chỉnh Dự án Đầu tư xây dựng Cảng Phước An cho phù hợp với tình hình thực tế, quy hoạch và các quy định pháp luật có liên quan.

- Quyết định, phê duyệt các nội dung điều chỉnh Dự án, bao gồm thay đổi, bổ sung mục tiêu đầu tư, phân chia các Phân kỳ, điều chỉnh tiến độ thực hiện, tổng vốn đầu tư và các nội dung khác có liên quan theo quy định.

- Thực hiện các thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh Dự án đầu tư trong trường hợp có thay đổi quy hoạch, tổng mức đầu tư hoặc các nội dung khác

theo quy định của Nhà nước; quyết định, phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Tổ chức triển khai lập hồ sơ thiết kế, lập dự toán, lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu và thực hiện các thủ tục có liên quan đến đầu tư xây dựng các Phân kỳ còn lại của Dự án Đầu tư xây dựng Cảng Phước An theo quy định.

- Phê duyệt hồ sơ thiết kế, tổng mức đầu tư chính thức trên cơ sở thiết kế, dự toán được lập, thẩm tra, thẩm định theo quy định; phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị đối với các Phân kỳ còn lại của Dự án Đầu tư xây dựng Cảng Phước An.

- Thực hiện các thủ tục tăng vốn điều lệ, huy động vốn chủ sở hữu và các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm bảo đảm nguồn vốn đối ứng để triển khai đầu tư xây dựng các Phân kỳ còn lại của Dự án Đầu tư xây dựng Cảng Phước An.

- Quyết định phương án huy động vốn, thu xếp và sử dụng nguồn vốn để thực hiện đầu tư xây dựng các Phân kỳ còn lại của Dự án, bao gồm vốn chủ sở hữu, vốn vay, hạn mức tín dụng và các nguồn vốn hợp pháp khác; quyết định việc vay vốn, ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng vay, thỏa thuận tài trợ và các tài liệu có liên quan.

- Quyết định các biện pháp bảo đảm cho nghĩa vụ tài chính của Công ty liên quan đến việc huy động vốn thực hiện các Phân kỳ còn lại của Dự án, bao gồm thế chấp, cầm cố tài sản, tài sản hình thành trong tương lai và các biện pháp bảo đảm khác theo quy định của pháp luật.

- Lựa chọn nhà thầu, nhà cung cấp; đàm phán, ký kết và thực hiện các hợp đồng phục vụ triển khai các Phân kỳ còn lại của Dự án; quyết định các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị trong quá trình triển khai thực hiện Dự án.

- Quyết định các vấn đề liên quan đến hợp tác đầu tư, liên doanh, liên kết với các đối tác có năng lực và kinh nghiệm để triển khai toàn bộ hoặc từng phần Dự án Đầu tư xây dựng Cảng Phước An, phù hợp với quy định của pháp luật và bảo đảm hiệu quả đầu tư của Công ty.

- Tổ chức kinh doanh, khai thác có hiệu quả Dự án Đầu tư xây dựng Cảng Phước An, trước mắt tập trung khai thác hiệu quả Phân kỳ 1 và các hạng mục đã đủ điều kiện đưa vào khai thác thuộc Phân kỳ 2, nhằm đáp ứng nhu cầu hàng hóa của khách hàng trong và ngoài khu vực, nâng cao hiệu quả đầu tư và mang lại lợi ích cho cổ đông.

- Tổ chức triển khai, hoàn thành đầu tư xây dựng các Phân kỳ còn lại của Dự án theo đúng tiến độ, chất lượng, quy mô, hiệu quả đầu tư và các mục tiêu được phê duyệt.

- Quyết định và thực hiện các công việc, thủ tục khác có liên quan hoặc phát sinh trong quá trình triển khai Dự án và các Phân kỳ còn lại, thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị, nhằm bảo đảm Dự án được triển khai đồng bộ, liên tục và hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và chủ trương được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

2. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các nội dung được ủy quyền, báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất theo quy định.

Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dầu Khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT**



Nguyễn Thành Đạt



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC
CẢNG PHƯỚC AN**

Đồng Nai, ngày 25 tháng 09 năm 2026

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ Công ty Cổ phần Dầu Khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An được thông qua căn cứ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường số 92/NQ-PAP ngày 25/09/2026.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. “Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

d. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

đ. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e. “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

g. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

h. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

i. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật chứng khoán;

k. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;

l. “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Khoản 5 Điều 2 Điều lệ này;

m. “Sở giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

- Tên tiếng Anh: PETROVIETNAM PHUOC AN PORT INVESTMENT & OPERATION JOINT STOCK COMPANY

- Tên giao dịch: CẢNG PHƯỚC AN

- Tên viết tắt: PAP

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: Cảng Phước An, ấp Bà Trường, xã Phước An, thành phố Đồng Nai, Việt Nam.

- Điện thoại (Phone): 0251 3685588; 19005168;

- Email: info@phuocanport.com

- Website: <https://phuocanport.com>

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước hạn quy định tại khoản 2 Điều 54, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được thực hiện theo các quy định của Luật doanh nghiệp, Luật dân sự và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

- Đầu tư, vận hành, khai thác cảng biển, logistics. Kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư và Khu đô thị, dịch vụ nhà ở công nhân và các dịch vụ khác có liên quan phù hợp với quy định của pháp luật;

- Sản xuất điện, mã ngành 3511 (trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội);

- Truyền tải và phân phối điện, mã ngành 3512 (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội);

- Xây dựng công trình điện, mã ngành 4221 (trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- a. Thu lợi nhuận tối đa;
- b. Không ngừng nâng cao lợi ích của các Cổ đông;
- c. Tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập và tinh thần của người lao động;
- d. Phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh;
- e. Đóng góp cho Ngân sách Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia (trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan).

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thông qua điều lệ này là 3.570.000.000.000 đồng (Ba nghìn năm trăm bảy mươi tỷ đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 357.000.000 (Ba trăm năm mươi bảy triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với các điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn sáu mươi (60) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ tối đa bằng 150% lãi suất cho vay cùng kỳ hạn của Ngân hàng tốt nhất Việt Nam vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

4. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

5. Thanh toán đủ và đúng hạn số cổ phần cam kết mua.

6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn

họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
- f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o. Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

s. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và Điều 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa thông báo ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người tham dự.

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác.

- e. Tổ chức lại, giải thể Công ty

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp tỷ lệ cụ thể do Điều lệ Công ty quy định.

3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty khác);
- e. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có);
- g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng cổ đông để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp. Thành viên Hội đồng quản trị công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo theo quy định dưới đây và Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

 - a. Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - b. Có tối thiểu 02 thành viên thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - c. Có tối thiểu 03 thành viên thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - c. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - d. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

e. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

f. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

g. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

h. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

i. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

j. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;

k. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

l. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

m. Đề xuất loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

n. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

o. Quyết định giá bán cổ phần, trái phiếu của Công ty;

p. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

q. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

r. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức

thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai

nghiên bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo họp Hội đồng quản trị chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác, và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 12 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc;

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty
- d. Kiến nghị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
- g. Tuyển dụng lao động;
- h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liền tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm

soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những giao dịch có giá trị lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Công ty có 02 (hai) con dấu, một con dấu được lưu lại trụ sở chính của Công ty, một con dấu được lưu giữ tại bộ phận Thư ký của Chủ tịch HĐQT Công ty.

3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty hoặc thỏa thuận giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trọng tài kinh tế chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 (hai mươi một) Chương, 58 (năm mươi tám) Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dầu khí Dầu tư Khai thác Cảng Phước An thông qua ngày 25 tháng 09 năm 2026 và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận toàn văn.

2. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế toàn bộ Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước đây, bao gồm cả các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

3. Điều lệ này là bản Điều lệ duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao, bản trích lục Điều lệ Công ty có giá trị sử dụng khi được Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị ký xác nhận theo thẩm quyền.

5. Điều lệ này được lập và lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty và được công bố, cung cấp theo quy định của pháp luật.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN THÀNH ĐẠT



QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty Cổ phần Dầu Khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An số 92/NQ - PAP ngày 25 /09/2026)

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An;

Căn cứ Nghị quyết số 91/NQ-PAP ngày 25 tháng 09 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An;

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên: theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 Điều lệ Công ty.
2. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường: theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty.

Điều 4. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có

quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị tổ chức họp và ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội. Nghị quyết Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) theo Quy chế thực hiện quyền do VSDC ban hành.

Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 2 Điều này chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do, trong các trường hợp sau:

- a. Đề xuất được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty
- c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông
- d. Các trường hợp khác.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; đề xuất được chỉnh thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 8. Ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty.

Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được qui định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội *(được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông)* về Công ty

b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;

- Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này; Việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty. Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử. Cổ đông gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo, fax, thư điện tử đến Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) ngày trước khi khai mạc cuộc họp;

- Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với qui định của Pháp luật.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Quy định tại khoản 1 Điều 20 điều lệ Công ty.

Điều 10. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.

Điều 11. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

1. Nguyên tắc chung

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

- Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem là không hợp lệ. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và

số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ;

- Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

Điều 12. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

1. Nguyên tắc chung:

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự ứng cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử:

Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu:

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;

- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);

- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp phiếu cũ;

- Nguyên tắc trúng cử:

+ Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

+ Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

+ Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

Điều 13. Cách thức kiểm phiếu

Đối với thẻ biểu quyết, việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

Đối với phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử, cổ đông hoặc đại diện ủy quyền bỏ phiếu vào thùng phiếu được ban tổ chức chuẩn bị từ trước, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc số phiếu bầu.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 14. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

Điều 15. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề, việc kiểm phiếu phải được lập thành biên bản có chữ ký của các thành viên ban kiểm phiếu. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 16. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông theo Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Quy định cụ thể việc yêu cầu mua lại của cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp cổ đông yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: thực hiện theo Điều 24 Điều lệ Công ty.

Điều 17. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 23 Điều lệ Công ty.

Điều 18. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 19. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

Các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông đều có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

Điều 20. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

Điều 21. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

Thực hiện theo Quy chế họp Hội nghị trực tuyến được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Điều 22. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Thực hiện theo Quy chế hợp Hội nghị trực tuyến được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị: theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.

Điều 24. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều 42, Điều 43 Điều lệ Công ty.

Điều 25. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

Điều 26. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bầu tại Đại hội đồng cổ đông sẽ được tính nhiệm kỳ 05 năm từ thời điểm bầu.

Điều 27. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo theo quy định dưới đây và Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

a. Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b. Có tối thiểu 02 thành viên thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c. Có tối thiểu 03 thành viên thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị: theo quy định tại Khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

Điều 28. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo Điều 25 Điều lệ Công ty.

Điều 29. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

Điều 30. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị: theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

2. Các trường hợp bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại thấp hơn số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện;

b. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a, b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 31. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 32. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị hoặc các đối tượng khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 30 Điều lệ Công ty triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham

gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 28 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện, trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử...

3. Hội đồng quản trị tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Quy chế này.

4. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:

- Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3, Điều này;

- Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;

- Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 33. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Thủ lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

Thực hiện theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty.

Điều 35. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo quý

Hội đồng quản trị họp tối thiểu mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

Điều 36. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Các trường hợp khác (nếu có).

2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu trên phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 1 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 37. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.

2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 38. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của Kiểm soát viên

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 39. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).

2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời;

c. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Điều 40. Cách thức biểu quyết

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 12 Điều 30 Điều lệ Công ty.

- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Điều 41. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

Điều 42. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 43. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

Điều 44. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

Điều 45. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông báo/công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 46. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty.

Điều 47. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty

Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 48. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp.

Điều 49. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm/miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
2. Người phụ trách quản trị công ty có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 50. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 51. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 32 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT

Điều 52. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Vai trò của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát: quy định tại Điều 39 Điều lệ Công ty.

3. Trách nhiệm của Kiểm soát viên: Thực hiện theo quy định tại Điều 42, Điều 43 Điều lệ Công ty.

4. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát: Thực hiện theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp.

Điều 53. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 54. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty.

Điều 55. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty;

Điều 56. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 57. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thực hiện theo quy định tại Khoản 3, khoản 4 Điều 37 Điều lệ Công ty.

Điều 58. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 59. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên

Thực hiện theo quy định tại Điều 41 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG V: TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 60. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Vai trò của Tổng Giám đốc: Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao

2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc: thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Điều lệ Công ty.

3. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc: thực hiện theo quy định tại Điều 42, Điều 43 Điều lệ Công ty.

Điều 61. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc;

1. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp.

Điều 62. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác.

Điều 63. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

2. Khi Tổng Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị trước 30 ngày. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn, Hội đồng quản trị xem xét và quyết định

3. Tổng Giám đốc đương nhiệm mất tư cách khi xảy ra các trường hợp: chết, mất năng lực hành vi dân sự, mất quyền công dân, tự ý bỏ nhiệm sở, vi phạm Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới trong thời hạn tối đa 30 ngày.

Điều 64. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ

Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 65. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

CHƯƠNG VI: CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 66. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp các cuộc họp Hội đồng quản trị được quy định tại điều 30 Điều lệ Công ty và Điều 157 Luật Doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị có thể cử một người trong số họ hoặc một người khác làm thư ký cuộc họp để thực hiện ghi biên bản cuộc họp.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. Tổng Giám đốc điều hành có thể được mời tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị và tham gia phát biểu ý kiến (nếu được yêu cầu) nhưng không được biểu quyết.

Điều 67. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát

Nghị quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 68. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc

Nghị quyết Hội đồng quản trị (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 69. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị

a. Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty;

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 5 Điều 39 Điều lệ Công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả.

b. Tổng Giám đốc điều hành có thể đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc điều hành theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty không được thực thi;

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của những người điều hành khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả.

2. Những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

a. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

b. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

c. Đề xuất tuyển dụng người điều hành khác của Công ty;

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e. Xin ý kiến Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

f. Xin ý kiến Hội đồng quản trị đối với các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

h. Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.

Điều 70. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Báo cáo về tình hình thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

4. Báo cáo hàng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động

5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác.

6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

Điều 71. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc điều hành về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 70 Quy chế này, Hội đồng quản trị sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị với Tổng Giám đốc.

Điều 72. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Các vấn đề Tổng Giám đốc điều hành phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị:

a. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định

b. Khi chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được Tổng Giám đốc trình để Hội đồng quản trị thông qua

c. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp

d. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành

e. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, các công ty khác (nếu có) do Công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật

f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

2. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Ban kiểm soát:

a. Tổng Giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với Ban kiểm soát nhằm đảm bảo Ban kiểm soát thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

b. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị

c. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 73. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

1. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị: Ban kiểm soát có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:

a. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông

b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị (cùng lúc yêu cầu cả Tổng Giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm

c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (*không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc*) gửi cho Hội đồng quản trị để có thêm cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải báo cáo thống nhất với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền báo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất

d. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả

e. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, các công ty khác (nếu có) do công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật

f. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì Ban kiểm soát phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi

g. Các nội dung kiến nghị đến Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

2. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc: Ban kiểm soát có chức năng kiểm tra và giám sát:

a. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên Hội đồng quản trị, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm

b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải báo cáo thống nhất với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền báo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất

c. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Tổng Giám đốc trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả

d. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ

e. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của Ban kiểm soát phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với thời gian dự định nhận được phản hồi. Ban kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan

f. Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh công ty của Ban kiểm soát phải được gửi đến Tổng Giám đốc trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi

3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị: Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

a. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu

b. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định

c. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty

d. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý

e. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành

f. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, các công ty khác (nếu có) do Công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật

g. Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 69 Quy chế này Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi Hội đồng quản trị.

Điều 74. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.

2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được Hội đồng quản trị cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v....

3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên Hội đồng quản trị.

4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

Điều 75. Khen thưởng

1. Đối tượng: các cá nhân theo chế độ khen thưởng do Hội đồng quản trị quy định.

2. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định..

3. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp khác: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng Giám đốc sẽ đề xuất Hội đồng quản trị phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 76. Kỷ luật

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 77. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Dầu khí Dầu tư Khai thác Cảng Phước An bao gồm 6 Chương, 77 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được ĐHDCĐ công ty thông qua.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN THÀNH ĐẠT



Đồng Nai, ngày 25 tháng 09 năm 2026

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty Cổ phần Dầu Khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An số 92/NQ - PAP ngày 25 /09/2026)

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An;

Căn cứ Nghị quyết số 91/NQ-PAP ngày 25 tháng 09 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An;

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách



nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận; c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 (năm) thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Bổ sung:

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo theo quy định dưới đây và Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

a. Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b. Có tối thiểu 02 thành viên thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c. Có tối thiểu 03 thành viên thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng tổng số công ty mà thành viên này làm thành viên Hội đồng quản trị không được quá 5 công ty.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không

thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện;

c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;

Bổ sung (ưu tiên): Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng cổ đông để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử

viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Các thông tin khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội

đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

c. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

d. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

e. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

f. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

g. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

h. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

i. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

j. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;

k. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

l. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

m. Đề xuất loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

n. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

o. Quyết định giá bán cổ phần, trái phiếu của Công ty;

p. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

q. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

r. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại

cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty

- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật

- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan

- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát

- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát

còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Luật Doanh nghiệp hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp
- b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông
- c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp
- d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp
- e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát
- f. Xác định thời gian và địa điểm họp
- g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp
- h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát

b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác

c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Hợp bằng hình thức trực tuyến

a. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

b. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện;

c. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp bằng hình thức trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này. Không thành viên Hội đồng quản trị nào có quyền từ chối khẳng định bằng chữ ký trong biên bản của cuộc họp nói trên, trừ khi trong cuộc họp trên, thành viên Hội đồng quản trị đó đã bày tỏ sự không tán thành hoặc bảo lưu ý kiến của mình đối với các Quyết định được thông qua trong cuộc họp đó.

13. Thành phần tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị

a. Thành phần tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc được mời họp dự thính;

b. Những cán bộ quản lý khác, đại diện các tổ chức cơ sở Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên có thể được mời tham dự cuộc họp khi thấy cần thiết;

c. Khi thảo luận về các vấn đề liên quan đến thẩm quyền quyết định của cơ quan Nhà nước thì Hội đồng quản trị có thể mời đại diện cơ quan nhà nước có liên quan tham dự cuộc họp;

d. Những người được mời họp dự thính không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

14. Chuẩn bị nội dung để thảo luận trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị

a. Trừ khi có quy định khác, Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm chuẩn bị các nội dung cần thảo luận tại cuộc họp Hội đồng quản trị theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

b. Các thành viên Hội đồng quản trị, các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị nghiên cứu các nội dung có liên quan đã được Tổng giám đốc Công ty chuẩn bị và đề xuất ý kiến hoặc biện pháp giải quyết để Hội đồng quản trị xem xét quyết nghị.

15. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 17. Thông qua các Nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Đối với các vấn đề không cần thiết phải triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc không có điều kiện để triệu tập họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tổ chức lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản với điều kiện là các thành viên Hội đồng quản trị phải nhận được đầy đủ các tài liệu có liên quan đến những nội dung được đề nghị Hội đồng quản trị xem xét quyết nghị.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

CHƯƠNG V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;

b. Báo cáo tài chính;

c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;

d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban điều hành

1. Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

2. Hội đồng quản trị không can thiệp trực tiếp vào công tác điều hành của Tổng Giám đốc Công ty. Hội đồng quản trị có thể tham dự các buổi họp giao ban hàng tháng của bộ máy điều hành Công ty, các cuộc họp xét duyệt các dự án đầu tư, đề án hợp tác... do Tổng Giám đốc Công ty chủ trì trước khi trình Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt. Hàng năm, nếu cần thiết, Hội đồng quản trị có kế hoạch làm việc với các đơn vị trong Công ty để kiểm tra, giám sát việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị để kịp thời xử lý các kiến nghị có liên quan thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị sử dụng các phòng ban chức năng và/ hoặc các chuyên viên của Công ty để giúp Hội đồng quản trị xem xét, cho ý kiến tư vấn về các vấn đề có liên quan.

4. Các công văn, tài liệu giao dịch gửi đến cho Hội đồng quản trị, sau khi vào sổ theo dõi, phải được chuyển cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền để xử lý. Những công văn, tài liệu giao dịch của cổ đông hoặc của các cơ quan cấp trên gửi đến Công ty có nội dung liên quan đến thẩm quyền của Hội đồng quản trị phải được sao gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền để phối hợp xử lý.

5. Các công văn, tài liệu giao dịch do Hội đồng quản trị ban hành hoặc gửi đi được đăng ký theo mã số Hội đồng quản trị và được lưu tại Thư ký Hội đồng quản trị.

6. Hội đồng quản trị sử dụng con dấu của Công ty để ban hành các văn bản thực hiện công tác lãnh đạo, quản lý trong Công ty và/ hoặc để thực hiện các giao dịch với tổ chức/ cá nhân ngoài Công ty.

Điều 23. Nguyên tắc phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc được quy định như sau:

1. Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải phối hợp hoạt động theo tinh thần đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và điều hành của đơn vị; đảm bảo đoàn kết nội bộ và tăng cường sự hỗ trợ nhau trong lãnh đạo, chỉ đạo vì sự phát triển của Công ty và theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình thông qua các nghị quyết, quyết định và yêu cầu Tổng giám đốc thực hiện. Trừ trường hợp khẩn cấp do yêu cầu của SXKD, Hội đồng quản trị sẽ xử lý và trả lời chậm nhất trong vòng bảy (07) ngày kể từ khi nhận được các tờ trình hoặc công văn đề nghị của Tổng Giám đốc. Đối với các vấn đề lớn cần họp Hội đồng quản trị hoặc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản, Hội đồng quản trị sẽ xử lý và trả lời chậm nhất trong vòng mười lăm (15) ngày.

3. Đối với việc ký kết hợp đồng có liên quan đến trách nhiệm Hội đồng quản trị hoặc phải trình Hội đồng quản trị quyết định thì Tổng Giám đốc có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị biết để tham dự hoặc cử thành viên Hội đồng quản trị khác tham dự với tư cách Hội đồng quản trị nếu xét thấy cần thiết.

4. Các cuộc họp do các cơ quan liên quan, các đối tác, khách hàng... mời Công ty tham dự (trừ trường hợp mời đích danh) có tính chất đặc biệt quan trọng, có liên quan đến đổi mới tổ chức, cơ chế, chính sách, hướng phát triển trung, dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Công ty thì Tổng Giám đốc thông báo cho Hội đồng quản trị biết để tham dự nếu có điều kiện.

5. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc trong quan hệ công việc với Hội đồng quản trị

a. Tổng Giám đốc là người tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Trong khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị để xem xét và điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định (nếu cần). Trường hợp Hội đồng quản trị không

điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị.

Tổng Giám đốc có quyền từ chối thực hiện những nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị hoặc các thành viên Hội đồng quản trị nếu xét thấy trái với pháp luật, trái với Điều lệ Công ty hoặc trái với quyết định của Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có trách nhiệm thông báo ngay bằng văn bản cho Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc tự chịu trách nhiệm về những ý kiến của mình trước pháp luật và Hội đồng quản trị đối với những vấn đề nói trên.

b. Các trách nhiệm khác của Tổng Giám đốc được nêu tại khoản 4 điều 35 Điều lệ Công ty.

Điều 24. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Điều 25. Quan hệ với tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên

Hội đồng quản trị phối hợp và tạo điều kiện để tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của các tổ chức này tại Công ty.

Điều 26. Quan hệ với cổ đông và cơ quan truyền thông báo chí

1. Hội đồng quản trị bảo đảm thực hiện quan hệ thường xuyên với các cổ đông của Công ty thể hiện bằng việc công bố các tài liệu, báo cáo tài chính định kỳ theo quy định của Điều lệ Công ty, cung cấp những thông tin quan trọng về hoạt động của Công ty.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo đảm tính minh bạch trong quản lý, điều hành mọi mặt hoạt động của Công ty cũng như thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với các cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo xử lý kịp thời và công khai các kiến nghị, khiếu nại (nếu có) của cổ đông.

4. Các thành viên Hội đồng quản trị không được tự ý thay mặt Công ty phát ngôn với các cơ quan truyền thông, báo chí, với cổ đông về các vấn đề liên quan đến Công ty. Ngoại trừ có các quy định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm thay mặt Công ty phát ngôn chính thức với cơ quan truyền thông về các vấn đề liên quan của Công ty.

5. Chủ tịch và các ủy viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo quản và lưu giữ các tài liệu liên quan đến Công ty và không được cho các cá nhân, công ty khác mượn sao chụp, ghi chép các thông tin liên quan đến Công ty làm ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tuân thủ các quy định an toàn bảo mật hiện hành của Nhà nước và của Công ty.

CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An bao gồm 7 Chương, 27 Điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày được ĐHDCĐ Công ty thông qua./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN THÀNH ĐẠT





PHUOC AN
PORT

Số: 87/BB - PAP

Đồng Nai, ngày 25 tháng 09 năm 2026

BIÊN BẢN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An;

Căn cứ danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp (ngày đăng ký cuối cùng 27/08/2026);

Căn cứ Thư mời số 73/TM-PAP ngày 03/09/2026 về Tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026;

Thực hiện sự phân công của Hội đồng quản trị, Ban kiểm tra tư cách đại biểu dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An gồm:

1. Ông Bành Hoàng Nguyên - Trưởng ban
2. Ông Lê Tuấn Phi - Thành viên
3. Bà Nguyễn Huyền Thu – Thành viên

Hôm nay, ngày 25/09/2026 tại Phòng họp số 1, Văn phòng Cảng Phước An, Ấp Bà Trường, Xã Phước An, thành phố Đồng Nai. Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo toàn thể Đại hội kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty, cụ thể:

- Tổng số cổ đông của Công ty là: 311 cổ đông nắm giữ 357.000.000 cổ phần của công ty, trong đó:

+ Pháp nhân: 3 cổ đông nắm giữ 76.500.000 cổ phần

+ Thể nhân: 308 cổ đông nắm giữ 280.500.000 cổ phần

- Tổng số đại biểu đến tham dự Đại hội gồm: 30 đại biểu, 30 đại biểu này nắm giữ/nhận ủy quyền/đại diện cho 355.938.160 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,70% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (danh sách cổ đông tham dự/ ủy quyền tham dự đính kèm).

Theo quy định tại khoản 1 điều 145 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm tra tư cách cổ đông xác nhận: Tất cả các Đại biểu đủ tư cách tham dự Đại hội và Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An hoàn toàn hợp lệ, đủ điều kiện để tiến hành đại hội.

Biên bản lập xong vào hồi 8h35 phút cùng ngày. Biên bản được lập thành 02 (hai) bản và được công bố trước toàn thể các cổ đông tham dự ĐHĐCĐ bất thường 2026 của Công ty.

Trân trọng./.

TM. BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
TRƯỞNG BAN



Bành Hoàng Nguyên

ĐIỀU
ĐNG
PH
CHỈ Đ
THÁC
ƯỚC
HỒ Đ

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ, ỦY QUYỀN
(Kèm theo Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông ngày 25/09/2026)

Stt	Họ Và Tên	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh Hoàng	
2	Trần Mạnh Cường	
3	Trần Bá Tài	
4	Trần Phi Hùng	
5	Võ Thị Hồng Thắm	
6	Bùi Hữu Quốc Bảo	
7	Hoàng Thanh Hùng	
8	Phan Thế Anh	
9	Bành Xuân Hoài	
10	Võ Trung Thành	
11	Trương Công Bình	
12	Trần Nhân Tâm	
13	Trương Công Nghĩa	
14	Trần Văn Nguyễn	
15	Trần Bảo Chung	
16	Hà Văn Nam	
17	Phạm Hồng Khánh	
18	Phạm Văn Khánh	
19	Lê Đình Nghiệm	
20	Nguyễn Tiến Trung	
21	Nguyễn Quốc Hưng	
22	Phạm Quốc Chi	
23	Mê Văn Phương	
24	Hoàng Đức Thế	
25	Trần Hữu Dũng	
26	Trần Ngọc Anh	
27	Vũ Ngọc Thắng	
28	Công ty TNHH MTV Hoành Sơn	
29	Công ty TNHH TM DV Đại Lộc Phát 68	
30	Tập Đoàn Công Nghiệp – Năng Lượng Quốc Gia Việt Nam	





Đồng Nai, ngày 25 tháng 09 năm 2026

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT

Các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026

Hôm nay, ngày 25/09/2026, tại Phòng họp số 1, Văn phòng Cảng Phước An, Ấp Bà Trường, Xã Phước An, Thành phố Đồng Nai, Ban Kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An tin nhiệm bầu, gồm:

1. Ông Trần Lê Duy Vũ Trưởng ban
2. Bà Trần Thị Thái Thành viên
3. Bà Đinh Trần Đan Nhi Thành viên

Ban Kiểm phiếu đã tiến hành thực hiện nhiệm vụ kiểm phiếu theo quy định và lập Biên bản kiểm phiếu như sau:

I. Tình hình phiếu biểu quyết

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội: 355.938.160 cổ phần
- Số phiếu phát ra: 30 phiếu, đại diện cho: 355.938.160 cổ phần
- Số phiếu thu về: 30 phiếu, đại diện cho: 355.938.160 cổ phần
- Số phiếu hợp lệ: 30 phiếu, đại diện cho: 355.938.160 cổ phần
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, đại diện cho: 0 cổ phần

II. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết

Stt	Nội dung	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Điều chỉnh một số nhiệm vụ trọng tâm 2026 của công ty: Không chuyển đổi công năng Dự án đầu tư xây dựng Khu Dịch vụ hậu cần cảng Phước An diện tích 220,4ha thành Khu công nghiệp			
-	Cổ phần tán thành	320.938.160	90,2%	
-	Cổ phần không tán thành	35.000.000	9,8%	
-	Cổ phần không ý kiến	0	0,0%	
-	Cổ phần không hợp lệ	0	0,0%	
2	Kế hoạch sản xuất, kinh doanh của Công ty giai đoạn 2026 - 2030			
-	Cổ phần tán thành	320.938.160	90,2%	
-	Cổ phần không tán thành	35.000.000	9,8%	
-	Cổ phần không ý kiến	0	0,0%	
-	Cổ phần không hợp lệ	0	0,0%	

Stt	Nội dung	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
3	Phê duyệt chủ trương đầu tư Phân kỳ 3.2 - Dự án Đầu tư xây dựng Cảng Phước An			
-	Cổ phần tán thành	320.938.160	90,2%	
-	Cổ phần không tán thành	35.000.000	9,8%	
-	Cổ phần không ý kiến	0	0,0%	
-	Cổ phần không hợp lệ	0	0,0%	
4	Điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An			
-	Cổ phần tán thành	320.938.160	90,2%	
-	Cổ phần không tán thành	35.000.000	9,8%	
-	Cổ phần không ý kiến	0	0,0%	
-	Cổ phần không hợp lệ	0	0,0%	
5	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty			
-	Cổ phần tán thành	320.938.160	90,2%	
-	Cổ phần không tán thành	35.000.000	9,8%	
-	Cổ phần không ý kiến	0	0,0%	
-	Cổ phần không hợp lệ	0	0,0%	
6	Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty			
-	Cổ phần tán thành	320.938.160	90,2%	
-	Cổ phần không tán thành	35.000.000	9,8%	
-	Cổ phần không ý kiến	0	0,0%	
-	Cổ phần không hợp lệ	0	0,0%	
7	Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty			
-	Cổ phần tán thành	320.938.160	90,2%	
-	Cổ phần không tán thành	35.000.000	9,8%	
-	Cổ phần không ý kiến	0	0,0%	
-	Cổ phần không hợp lệ	0	0,0%	
8	Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 - 2029			
-	Cổ phần tán thành	320.938.160	90,2%	
-	Cổ phần không tán thành	35.000.000	9,8%	
-	Cổ phần không ý kiến	0	0,0%	
-	Cổ phần không hợp lệ	0	0,0%	

III. Kết luận

Căn cứ Điều lệ Công ty và kết quả kiểm phiếu nêu trên, các nội dung được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 biểu quyết thông qua gồm:

1. Báo cáo Điều chỉnh một số nhiệm vụ trọng tâm 2026 của công ty: Không chuyển đổi công năng Dự án đầu tư xây dựng Khu Dịch vụ hậu cần cảng Phước An diện tích 220,4ha thành Khu công nghiệp.

2. Kế hoạch sản xuất, kinh doanh của Công ty giai đoạn 2026 – 2030

3. Phê duyệt chủ trương đầu tư Phân kỳ 3.2 - Dự án Đầu tư xây dựng Cảng Phước An

4. Điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An

5. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty

6. Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty

7. Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty

8. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 - 2029

Việc kiểm phiếu biểu quyết kết thúc vào hồi 10h45 phút cùng ngày. Biên bản được lập thành 02 (hai) bản, được công bố tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2026 của Công ty.

**TM. BAN KIỂM PHIẾU
TRƯỞNG BAN**



Trần Lê Duy Vũ





PHUOC AN
PORT

Đồng Nai, ngày 25 tháng 09 năm 2026

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
Bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 - 2031

Hôm nay, ngày 25 tháng 09 năm 2026, tại Phòng họp số 1, Văn phòng Cảng Phước An, Ấp Bà Trường, Xã Phước An, Thành phố Đồng Nai, Ban Kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An tin nhiệm bầu, gồm:

- | | |
|-------------------------|------------|
| 1. Ông Trần Lê Duy Vũ | Trưởng ban |
| 2. Bà Trần Thị Thái | Thành viên |
| 3. Bà Đinh Trần Đan Nhi | Thành viên |

Ban Kiểm phiếu đã tiến hành thực hiện nhiệm vụ kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 - 2031 theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Thẻ lệ bầu cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, cụ thể như sau:

I. Tình hình phiếu bầu

- Số cổ đông hiện diện và đại diện hợp lệ tại Đại hội: 30 cổ đông, nắm giữ 355.938.160 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- Số phiếu bầu cử phát ra: 30 phiếu, đại diện cho 1.779.690.800 quyền bầu cử.
- Số phiếu bầu cử thu về: 30 phiếu, đại diện cho 1.779.690.800 quyền bầu cử.
- Số phiếu hợp lệ: 30 phiếu, đại diện cho 1.779.690.800 quyền bầu cử.
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, đại diện cho 0 quyền bầu cử.

II. Danh sách ứng cử viên

Danh sách ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 - 2031 được Đại hội đồng cổ đông thông qua gồm:

1. Ông Nguyễn Thành Đạt
2. Ông Trương Hoàng Hải
3. Ông Nguyễn Thái Phúc
4. Ông Trần Nhân Tâm
5. Ông Nguyễn Hữu Thắng

III. Kết quả kiểm phiếu

Stt	Họ và tên	Số phiếu bầu	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Thành Đạt	342.731.396	
2	Ông Trương Hoàng Hải	320.366.476	
3	Ông Nguyễn Thái Phúc	313.880.976	
4	Ông Trần Nhân Tâm	313.855.976	
5	Ông Nguyễn Hữu Thắng	313.855.976	
Tổng cộng		1.604.690.800	

IV. Kết luận

Dựa trên kết quả kiểm phiếu nêu trên, đối chiếu với Điều lệ Công ty và Thể lệ bầu cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, danh sách trúng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An nhiệm kỳ 2026 - 2031 gồm:

1. Ông Nguyễn Thành Đạt
2. Ông Trương Hoàng Hải
3. Ông Nguyễn Thái Phúc
4. Ông Trần Nhân Tâm
5. Ông Nguyễn Hữu Thắng



Trên đây là kết quả kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An nhiệm kỳ 2026 - 2031 tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026.

Việc kiểm phiếu kết thúc vào hồi 11 giờ 20 phút cùng ngày. Biên bản được lập thành 02 (hai) bản, có giá trị như nhau và được công bố trước các cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026.

TM. BAN KIỂM PHIẾU
TRƯỞNG BAN

Trần Lê Duy Vũ

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Phiên thứ nhất)

1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An;

- Địa chỉ: Cảng Phước An, ấp Bà Trường, xã Phước An, thành phố Đồng Nai, Việt Nam;

- Mã số doanh nghiệp: Số 3601010336 cấp lần đầu ngày 14/05/2008, điều chỉnh thay đổi lần thứ 15 ngày 06/05/2026.

2. Mục đích, chương trình và nội dung họp

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 - 2031 tiến hành phiên họp thứ nhất nhằm bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An nhiệm kỳ 2026 - 2031.

3. Thời gian, địa điểm họp

- Thời gian: Bắt đầu từ 11 giờ 25 phút ngày 25/09/2026 (Thứ Sáu).

- Địa điểm họp: Phòng họp số 3, Văn phòng Cảng Phước An, ấp Bà Trường, xã Phước An, thành phố Đồng Nai, Việt Nam.

4. Thành phần tham dự họp

Toàn thể thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An nhiệm kỳ 2026 - 2031, gồm:

- Ông Nguyễn Thành Đạt;
- Ông Trương Hoàng Hải;
- Ông Nguyễn Thái Phúc;
- Ông Trần Nhân Tâm;
- Ông Nguyễn Hữu Thắng.

- **Thư ký cuộc họp:** Ông Nguyễn Văn Hoằng, Trưởng Phòng Tổ chức - Hành chính.

- Số thành viên HĐQT có mặt: 05 (năm) thành viên, chiếm tỷ lệ 100% tổng số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết.

- Số thành viên HĐQT vắng mặt: 0 (không) thành viên.

- Các thành viên Hội đồng quản trị thống nhất cử Ông Nguyễn Thành Đạt làm Chủ tọa cuộc họp.

- Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, cuộc họp Hội đồng quản trị đủ điều kiện tiến hành.



5. Nội dung diễn biến kết quả cuộc họp

Các thành viên Hội đồng quản trị đã trao đổi, xem xét việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Các thành viên dự họp đã nghe Ông Nguyễn Văn Hoảng - Trưởng Phòng Tổ chức - Hành chính, Thư ký cuộc họp, trình bày Văn bản số 325/CV-HĐTV ngày 24/09/2026 của Công ty TNHH MTV Hoảng Sơn về việc giới thiệu Ông Nguyễn Thành Đạt ứng cử chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

Sau khi xem xét và trao đổi, các thành viên Hội đồng quản trị thống nhất tiến hành biểu quyết bầu Ông Nguyễn Thành Đạt giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2026 - 2031 bằng hình thức giơ tay.

Kết quả biểu quyết:

- Số thành viên đồng ý: 05 thành viên, chiếm 100%;
- Số thành viên không đồng ý: 0 thành viên, chiếm 0%;
- Số thành viên không có ý kiến: 0 thành viên, chiếm 0%.

Theo đó, Hội đồng quản trị đã nhất trí 100% bầu:

Ông Nguyễn Thành Đạt, sinh ngày 06/02/1987, giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dầu khí Dầu tư Khai thác Cảng Phước An nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày. Biên bản được lập trước khi kết thúc cuộc họp, gồm 02 (hai) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, được lưu tại hồ sơ của Hội đồng quản trị Công ty và báo cáo Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026. Thư ký cuộc họp đã đọc đầy đủ nội dung Biên bản cho tất cả thành viên dự họp nghe. Các thành viên dự họp nhất trí tán thành toàn bộ nội dung Biên bản.

THƯ KÝ CUỘC HỌP

Nguyễn Văn Hoảng

CHỦ TỌA CUỘC HỌP

Nguyễn Thành Đạt

NGHỊ QUYẾTV/v bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2026 - 2031**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 89/BB-PAP ngày 25/09/2026

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Hội đồng quản trị thống nhất bầu Ông Nguyễn Thành Đạt, sinh ngày 06/02/1987, giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An nhiệm kỳ 2026 - 2031, kể từ ngày 25/09/2026.

Điều 2: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty và Ông Nguyễn Thành Đạt chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Trường BKS PAP;
- Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**CHỦ TỊCH****Nguyễn Thành Đạt**

Số: 75/PAP - HDQT
Vv Điều chỉnh một số nhiệm
vụ trọng tâm 2026 của công ty

Đồng Nai, ngày 03 tháng 09 năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông công ty

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 số 49 /NQ – PAP ngày 10/04/2026, Hội đồng quản trị kính báo cáo đại hội đồng cổ đông như sau:

Ngày 08/07/2026 Tổng giám đốc Công ty có báo cáo gửi Hội đồng quản trị về Tình hình triển khai Dự án đầu tư xây dựng Khu Dịch vụ hậu cần cảng Phước An báo cáo số 1368/PAP-QLDA.

Sau khi trao đổi, thảo luận Hội đồng quản trị thông nhất ban hành Nghị quyết số 65/NQ - PAP ngày 13/07/2026 về Thông qua chủ trương không chuyển đổi công năng Dự án đầu tư xây dựng Khu Dịch vụ hậu cần cảng Phước An diện tích 220,4ha thành Khu công nghiệp, triển khai đầu tư dự án theo mục tiêu như Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được cấp.

Trên cơ sở đó Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét Điều chỉnh một số nhiệm vụ trọng tâm 2026 của công ty: Không chuyển đổi công năng Dự án đầu tư xây dựng Khu Dịch vụ hậu cần cảng Phước An diện tích 220,4ha thành Khu công nghiệp, cụ thể:

1. Không tiếp tục thực hiện phương án đầu tư dự án khu công nghiệp Phước An từ Dự án Khu Dịch vụ hậu cần Cảng Phước An diện tích 220,4ha.
2. Tiếp tục đầu tư Dự án Khu Dịch vụ hậu cần cảng Phước An diện tích 220,4ha hiện hữu.
3. Giao Tổng Giám đốc Công ty triển khai các thủ tục liên quan để đầu tư xây dựng Dự án Khu Dịch vụ hậu cần cảng Phước An theo quy định hiện hành trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website PAP;
- Lưu: VT, HDQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Thanh Đạt

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2026 - 2030

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dầu khí Dầu tư Khai thác Cảng Phước An;

Căn cứ tình hình thực tế triển khai Dự án và nhu cầu đầu tư của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dầu khí Dầu tư Khai thác Cảng Phước An kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2026 - 2030, theo Kế hoạch đính kèm.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website PAP;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Đạt

KẾ HOẠCH**SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ
Khai thác Cảng Phước An giai đoạn 2026 - 2030****PHẦN I: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM 2021 - 2025****I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM 2021 – 2025****1. Mục tiêu kế hoạch 5 năm 2021 - 2025**

Tiếp tục triển khai đồng bộ các dự án Cảng Phước An, Khu dịch vụ hậu cần và Khu công nghiệp; thực hiện điều chỉnh các dự án phù hợp với quy hoạch và các quy định pháp luật có liên quan; hoàn thiện hạ tầng, các thủ tục pháp lý và từng bước đưa các hạng mục vào khai thác; tăng cường hợp tác đầu tư, thực hiện các thủ tục tăng vốn điều lệ và huy động vốn vay đáp ứng nhu cầu triển khai dự án, góp phần nâng cao năng lực khai thác, năng lực cạnh tranh và hiệu quả đầu tư của Công ty.

2. Tình hình thực hiện các mục tiêu kế hoạch 5 năm 2021 – 2025**2.1. Huy động vốn và vay vốn**

- **Tăng vốn điều lệ:** Công ty đã hoàn thành tăng vốn điều lệ từ 1.100 tỷ đồng lên 1.500 tỷ đồng; từ 1.500 tỷ đồng lên 2.000 tỷ đồng; từ 2.000 tỷ đồng lên 2.320 tỷ đồng và từ 2.320 tỷ đồng lên 3.570 tỷ đồng được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận với mục đích phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng cho dự án, triển khai các công việc chuẩn bị đầu tư và đảm bảo vốn đối ứng để giải ngân cho Phần kỳ 1 và Phần kỳ 2.1 dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An. Phần vốn tăng thêm được công ty quản lý và sử dụng đúng theo phương án sử dụng vốn được HĐQT thông qua và HĐQT phê duyệt.

- **Vay vốn:** Để đảm bảo việc đầu tư xây dựng cho dự án Công ty đã thực hiện các thủ tục vay vốn, huy động vốn của các tổ chức tín dụng và các đối tác khách hàng trong quá trình thực hiện đầu tư xây dựng, khai thác dự án.

2.2. Điều chỉnh dự án:

Trên cơ sở phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng 1/2.000 Khu Công nghiệp Phước An tại Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 28/3/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai, Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai đã điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2282061118 thay đổi lần 4 ngày 26/09/2025 cho Dự án Đầu tư xây dựng Khu Dịch vụ hậu cần Cảng Phước An (logistics) diện tích 220,4ha. Đồng thời, Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Khu Kinh tế tỉnh Đồng Nai đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 0150166173 ngày 26/09/2025 cho Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Kết cấu Hạ tầng Khu Công nghiệp Phước An diện tích 330ha. Các dự án của Công ty sau khi thay đổi điều chỉnh:

- Dự án Đầu tư Xây dựng Cảng Phước An, mã số dự án 7530322848, thay đổi lần thứ 3, ngày 03/07/2024;

- Dự án Đầu tư xây dựng Khu dịch vụ hậu cần cảng Phước An (logistics) mã số dự án 2282061118, thay đổi lần 4, ngày 20/09/2025;

- Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp Phước An, mã số dự án 0150166173, cấp lần đầu ngày 26/09/2025.

2.3. Bồi thường giải phóng mặt bằng

- Dự án Đầu tư xây dựng cảng Phước An: Hoàn thành bồi thường được UBND tỉnh Đồng Nai giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 157,3ha sẵn sàng cho việc đầu tư xây dựng các Phân kỳ của dự án.

- Dự án Đầu tư xây dựng Khu dịch vụ hậu cần cảng Phước An (logistics) 220,4ha: được UBND tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 203,24ha, diện tích đã bồi thường 16,1ha, diện tích chưa bồi thường 0,72ha. Hiện Công ty đang phối hợp với cơ quan thẩm quyền tiếp tục triển khai công tác bồi thường.

- Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Phước An: Được UBND xã Phước An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 315,8/330ha, diện tích đã bồi thường 2,47 ha, diện tích còn lại 11,73 ha là chưa bồi thường. Hiện Công ty đang phối hợp với cơ quan thẩm quyền tiếp tục triển khai công tác bồi thường.

2.4. Tình hình đầu tư xây dựng

- Dự án đầu tư Xây dựng Cảng Phước An:

+ Phân kỳ 1: Hoàn thành thi công xây dựng được các cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu về xây dựng, cấp giấy phép môi trường, công bố mở cầu cảng, cấp chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển, cấp mã cảng. Hiện, đã đưa vào vận hành, khai thác ổn định tuân thủ theo quy định hiện hành.

+ Phân kỳ 2: Dự án đã hoàn thành công tác xây dựng Cầu cảng số 6 nổi dài, Cầu cảng số 7, Cầu cảng số 8, Cầu cảng số 9 và được Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Công an tỉnh Đồng Nai chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy tại văn bản số 113/NT-PCCC ngày 13/11/2025 và văn bản số 23/NT-PCCC ngày 20/05/2026; được Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam cấp giấy chứng nhận phù hợp của cảng biển số ISPS/SoCPF/329/VN ngày 28/11/2025 và số ISPS/SoCPF/329/VN ngày 26/05/2026; được Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng nghiệm thu tại văn bản số 4830/CQLXD-CCPN ngày 01/12/2025, văn bản số 1657/CQLXD-CCPN ngày 09/06/2026 và văn bản số 2588/KTQLXD-CCPN ngày 13/08/2026; được Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam công bố mở cầu cảng tại văn bản số 2620/QĐ-CHHĐTVN ngày 05/12/2025 và văn bản số 1400/QĐ-CHHĐTVN ngày 18/6/2026. Hiện nay, cầu cảng số 6 nổi dài; cầu cảng số 7 và cầu cảng số 8 đang được vận hành khai thác, các hạng mục còn lại của dự án đang được triển khai thi công theo các quy định hiện hành, đảm bảo tiến độ đầu tư.

+ Phân kỳ 3:

Phân kỳ 3.1: Dự án được Cục Hàng Hải và Đường thủy Việt Nam thỏa thuận vị trí, quy mô bến cảng tại văn bản số 3809/CHHĐTVN-KCHT ngày 13/8/2025; Sở xây dựng tỉnh Đồng Nai thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi tại văn bản số 1822/SXD-QLHTKT ngày 13/2/2026; Viện Xây dựng Công trình biển thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi tại văn bản số 17/2026/BCTT ngày 14/01/2026;

Viện Xây dựng Công trình biển thẩm tra thiết kế BVTC tại văn bản số 78/2026/BCTT ngày 18/03/2026; Viện Xây dựng Công trình biển thẩm tra dự toán tại văn bản 225/2026/BCTT ngày 30/06/2026; Phòng cảnh sát PCCC và CNCH tỉnh Đồng Nai thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy tại văn bản số 16/TD-PCCC ngày 14/05/2026; Công ty TNHH Sở hữu Minh Khai thẩm định thiết kế bản vẽ thi công tại báo cáo số 14/TĐTK/MKH-PAP ngày 01/07/2026; Cảng vụ Hàng Hải Đồng Nai phê duyệt phương án đảm bảo an toàn Hàng Hải tại Quyết định số 215/QĐ-CVHHĐN ngày 13/07/2026. Trên cơ sở chấp thuận của cơ quan thẩm quyền, thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị đã Phê duyệt Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phê duyệt thông qua việc ký kết các hợp đồng/ giao dịch giữa Công ty với Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan tại Nghị quyết số: 60/NQ - PAP, nghị quyết số 61/NQ – PAP và Nghị quyết 62/NQ – PAP ngày 03/07/2026. Hiện các hạng mục của dự án đang được triển khai thi công theo các quy định hiện hành, đảm bảo tiến độ đầu tư.

Phân kỳ 3.2: Công ty đang triển khai các thủ tục liên quan đến đầu tư, xây dựng Phân kỳ 3.2 để đáp ứng nhu cầu thị trường, hoàn thiện đồng bộ kết cấu hạ tầng cảng, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả đầu tư dự án.

- **Dự án đầu tư xây dựng Khu dịch vụ hậu cần Cảng Phước An (Logistics), quy mô 220,4 ha:**

+ Dự án đã cơ bản hoàn thành hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch được duyệt, bao gồm san lấp mặt bằng, giao thông nội bộ, hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước, phòng cháy chữa cháy và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật đồng bộ khác. Phần diện tích đất được giao/cho thuê đã được đưa vào sử dụng đúng mục đích, phục vụ chức năng dịch vụ hậu cần cảng theo mục tiêu dự án tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Song song với công tác đầu tư hạ tầng, Công ty đã tích cực thu hút các doanh nghiệp logistics và đã ký hợp đồng với một số nhà đầu tư thứ cấp, hãng tàu để phát triển các hoạt động kho bãi, depot container, giao nhận vận tải và các dịch vụ hậu cần phục vụ trực tiếp hoạt động khai thác của Cảng Phước An. Hiện nay, dự án đã đưa vào hoạt động, vận hành 01 khu bãi container hoàn thiện, được trang bị đầy đủ xe, máy, thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động khai thác (xe nâng container, thiết bị xếp dỡ, phương tiện vận chuyển nội bộ và các trang thiết bị đồng bộ khác), đáp ứng nhu cầu tiếp nhận, lưu giữ và trung chuyển hàng container phục vụ trực tiếp hoạt động của Cảng Phước An.

+ Trên cơ sở báo cáo của Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị đã thảo luận và thống nhất Thông qua chủ trương không chuyển đổi công năng Dự án đầu tư xây dựng Khu Dịch vụ hậu cần cảng Phước An diện tích 220,4ha thành Khu công nghiệp, triển khai đầu tư dự án theo mục tiêu như Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được cấp tại Nghị quyết số 65/NQ - PAP ngày 13/07/2026.

- **Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Phước An, quy mô 330 ha:** Trên cơ sở chấp thuận của cơ quan thẩm quyền, thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị đã Phê duyệt Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phê duyệt thông qua việc ký kết các hợp đồng/ giao dịch giữa Công ty với Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan đối với dự án tại Nghị quyết số: 12/NQ – PAP ngày 27/01/2026, nghị quyết số 21/NQ – PAP và Nghị quyết 22/NQ – PAP ngày 05/02/2026. Đến nay, Dự án đã hoàn thành công tác xây dựng Trạm xử lý

nước thải tập trung KCN Phước An và đã được Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố Đồng Nai chấp thuận kết quả nghiệm thu tại văn bản số 472/TB-KCNKKT ngày 24/07/2026. Hiện các hạng mục còn lại của dự án đang được triển khai thi công theo các quy định hiện hành, đảm bảo tiến độ đầu tư.

2.5. Mua sắm máy móc thiết bị

- Phân kỳ 1: Hoàn thành mua sắm, nhập khẩu máy móc thiết bị và đưa vào sử dụng: 06 cầu STS, 15 cầu RTG, 16 xe đầu kéo nội bộ, 16 rơ moóc nội bộ, 01 xe nâng container hàng, 01 xe nâng container rỗng, 04 trạm cân, 01 xe quét đường, 07 xe điện chở khách, 02 xe khách 47 chỗ, 02 xe nâng điện 2,5 tấn, hệ thống phần mềm vận hành khai thác cảng, các thiết bị cầm tay phục vụ khai thác (máy VMT, bộ đàm,), hệ thống máy tính, thiết bị CNTT văn phòng.

- Phân kỳ 2: Hoàn thành mua sắm, nhập khẩu và đưa vào sử dụng: 06 cầu STS, 10 cầu RTG, 50 xe đầu kéo điện nội bộ, 50 rơ moóc nội bộ, 02 xe nâng container hàng điện, 04 xe nâng container rỗng điện. Hiện tại, Công ty đã đặt hàng 5 cầu STS, 8 cầu RTG, 03 tàu lai dắt để phục vụ khai thác Phân kỳ 2, số thiết bị này đang sản xuất và sẽ được bàn giao theo tiến độ.

- Phân kỳ 3.1: Hiện tại, Công ty đã đặt hàng 2 cầu STS, 23 cầu RTG để phục vụ khai thác Phân kỳ 3, số thiết bị này đang sản xuất và sẽ được bàn giao theo tiến độ.

2.6. Hoàn thiện các thủ tục pháp lý để khai thác

Công ty đã hoàn thành các thủ tục pháp lý liên quan để khai thác Phân kỳ 1, và một phần Phân kỳ 2 dự án Cảng Phước An theo quy định: Nạo vét khu nước trước bến; thông báo hàng hải vùng quay tàu; Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu; An ninh cảng biển; nghiệm thu xây dựng và PCCC; công bố mở cảng biển; Giấy phép môi trường....Hiện, Công ty đang thực hiện các thủ tục pháp lý khai thác cho phần còn lại của Phân kỳ 2 và cũng như các phân kỳ còn lại sau khi hoàn thành xây dựng.

2.7. Quy hoạch Bến thủy nội địa sau cảng

Bến thủy nội địa Phước An (nằm phía sau cảng Phước An, giáp sông Bà Hạo) đã được bổ sung vào Quy hoạch tỉnh Đồng Nai tại Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03/07/2024 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của UBND thành phố Đồng Nai về Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050. Đồng thời tại Quyết định số 979/QĐ-BXD ngày 30/06/2025 của Bộ Xây dựng về Phê duyệt Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, Bến thủy nội địa Phước An đã được Quy hoạch với tính chất Bến cảng biển là Bến thu gom và giải tỏa hàng hóa thuộc Khu bến cảng Phước An với quy mô chiều dài 1.100m có khả năng khai thác tàu đến 5.000 tấn, đoạn luồng thủy nội địa từ Ngã 3 sông Gò Gia- Đồng Tranh đến Cảng Phước An cũng được chuyển thành luồng hàng hải. Trên các cơ sở đó, hiện nay công ty PAP đang thực hiện thủ tục đầu tư xây dựng Bến thu gom và giải tỏa hàng hóa Cảng Phước An.

2.8. Hợp tác kinh doanh/ đầu tư:

Hiện nay các đối tác, khách hàng, hãng tàu, nhà sản xuất đã quan tâm sử dụng dịch vụ của cảng và tham gia hợp tác đầu tư tại dự án Cảng Phước An, Khu Dịch vụ hậu cần và Khu Công nghiệp Phước An. Công ty tiếp tục đẩy mạnh công

tác hợp tác đầu tư, tích cực làm việc với các nhà đầu tư, nhà sản xuất, đơn vị vận tải, hãng tàu và tham gia các sự kiện lớn của UBND tỉnh Đồng Nai, Hồ Chí Minh, ... để giới thiệu các dịch vụ của Cảng Phước An để tìm kiếm các cơ hội hợp tác, sử dụng dịch vụ của Cảng trong thời gian tới.

2.9. Về cơ cấu tổ chức: Bộ máy tổ chức của Công ty đã cơ bản hoàn thiện đảm bảo cho việc triển khai và khai thác dự án. Trong thời gian tới Công ty sẽ tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức cho phù hợp với tình hình hoạt động.

2.10. Các chỉ tiêu thực hiện giai đoạn 2021 - 2025: Theo Biểu số 1,2,3,4 đính kèm

3. Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình thực hiện kế hoạch.

Dự án Cảng Phước An đã từng bước hoàn thiện và đưa vào khai thác, các dự án Khu dịch vụ hậu cần cảng Phước An và Khu công nghiệp Phước An tiếp tục được triển khai, cùng với sự hỗ trợ của cổ đông, đối tác và các tổ chức tín dụng. Tuy nhiên, Công ty cũng phải đối mặt với những khó khăn do nhu cầu vốn đầu tư lớn, các dự án có quy mô và tính chất phức tạp, yêu cầu thực hiện nhiều thủ tục pháp lý, điều chỉnh dự án phù hợp với quy hoạch và quy định pháp luật, đồng thời chịu tác động của tình hình kinh tế, thị trường và mức độ cạnh tranh.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH 5 NĂM 2021 – 2025

Trong giai đoạn 2021–2025, Công ty tập trung triển khai các dự án Cảng Phước An, Khu dịch vụ hậu cần và các hạng mục liên quan; đồng thời từng bước hoàn thiện công tác đầu tư, xây dựng và các thủ tục pháp lý. Một số mục tiêu, nhiệm vụ đã được triển khai theo kế hoạch và điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế; hoàn thành điều chỉnh dự án phù hợp với quy hoạch và các quy định có liên quan, cơ bản hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, đưa Cảng Phước An vào khai thác; đồng thời xúc tiến, đẩy mạnh hợp tác đầu tư và thu hút sự quan tâm, hợp tác của nhiều đối tác, khách hàng, tạo cơ sở để tiếp tục triển khai các giai đoạn đầu tư tiếp theo và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Tuy nhiên, tiến độ thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ chưa đạt theo kế hoạch ban đầu, chủ yếu do quy mô đầu tư lớn, nhu cầu vốn cao; công tác bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cần nhiều thời gian để thực hiện, ảnh hưởng đến tiến độ bàn giao mặt bằng và triển khai dự án. Trong quá trình triển khai, một số nội dung phải thực hiện điều chỉnh, cập nhật quy hoạch và dự án cho phù hợp với tình hình thực tế, đồng thời phải lấy ý kiến, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền để xem xét, thẩm định và phê duyệt, dẫn đến thời gian thực hiện kéo dài hơn so với dự kiến. Bên cạnh đó, các thủ tục về đầu tư, đất đai, xây dựng và các thủ tục liên quan cần nhiều thời gian để hoàn thiện; tình hình kinh tế, thị trường và các yếu tố khách quan khác cũng ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án.

III. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Từ quá trình triển khai kế hoạch giai đoạn 2021-2025, Công ty rút ra một số bài học kinh nghiệm chủ yếu như sau:

1. Chủ động rà soát, cập nhật quy hoạch, pháp lý và dự báo các yếu tố ảnh hưởng để xây dựng kế hoạch, tiến độ phù hợp.

2. Tăng cường phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền, đẩy nhanh công tác bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng.

3. Chủ động cân đối, huy động nguồn vốn, bảo đảm nguồn lực thực hiện dự án theo tiến độ.

4. Tăng cường hợp tác với đối tác, khách hàng, hãng tàu; gắn đầu tư với nhu cầu thị trường và hiệu quả khai thác.

5. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tiến độ, kịp thời điều chỉnh kế hoạch và giải pháp phù hợp với thực tế.

PHẦN II: KẾ HOẠCH 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

I. BỐI CẢNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH 5 NĂM 2026 – 2030

1. Trong nước

Kinh tế Việt Nam tiếp tục được định hướng tăng trưởng, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, đẩy mạnh xuất nhập khẩu, logistics và hệ thống cảng biển. Hạ tầng giao thông kết nối vùng, đặc biệt tại khu vực Đông Nam Bộ, từng bước được hoàn thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển cảng biển và logistics. Tuy nhiên, yêu cầu về nguồn vốn, thủ tục pháp lý, giải phóng mặt bằng và cạnh tranh thị trường vẫn là những thách thức đối với Công ty.

2. Thế giới

Kinh tế và thương mại thế giới tiếp tục chịu tác động của biến động địa chính trị, chính sách thương mại và sự thay đổi của chuỗi cung ứng. Xu hướng chuyển đổi số, logistics xanh và nâng cao hiệu quả khai thác cảng ngày càng rõ nét, vừa tạo cơ hội phát triển, vừa đặt ra yêu cầu nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động của Công ty.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH 5 NĂM 2026 – 2030

Kế hoạch 5 năm 2026–2030 của Công ty được xây dựng trên cơ sở:

- Các chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước và các quy hoạch phát triển có liên quan.

- Điều lệ tổ chức và hoạt động, chiến lược và định hướng phát triển của Công ty.

- Kết quả thực hiện Kế hoạch 5 năm 2021–2025 và tình hình thực tế triển khai các dự án của Công ty.

- Tiến độ, nhu cầu vốn và kế hoạch triển khai các dự án Cảng Phước An, Khu dịch vụ hậu cần Cảng Phước An và Khu công nghiệp Phước An.

- Dự báo tình hình kinh tế, thị trường cảng biển, logistics và các yếu tố trong nước, quốc tế có liên quan.

III. DỰ BÁO GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

Giai đoạn 2026–2030, nhu cầu vận tải biển, dịch vụ cảng và logistics dự kiến tiếp tục tăng cùng với sự phát triển của hoạt động xuất nhập khẩu, sản xuất và đầu tư, đặc biệt tại khu vực Đông Nam Bộ. Hạ tầng giao thông kết nối vùng được đẩy mạnh đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển Cảng Phước An và các dịch vụ logistics.

Công ty có cơ hội phát huy lợi thế về vị trí, hạ tầng và năng lực khai thác; đồng thời mở rộng khách hàng, đối tác và dịch vụ. Tuy nhiên, cạnh tranh trong lĩnh vực cảng biển, logistics ngày càng cao, đòi hỏi Công ty nâng cao chất lượng dịch vụ, năng lực khai thác và hiệu quả đầu tư.

IV. MỤC TIÊU KẾ HOẠCH 5 NĂM 2026 – 2030

Đến thời điểm lập Kế hoạch, Công ty đã cơ bản hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, ký hợp đồng thuê đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích thuộc Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An; hoàn thành đầu tư xây dựng Phân kỳ 1, Phân kỳ 2, một phần Phân kỳ 3.1 và đang triển khai các thủ tục đầu tư Phân kỳ 3.2. Đồng thời, Công ty đang hoàn thiện các thủ tục liên quan đến vận hành, khai thác Cảng theo tiến độ đầu tư xây dựng và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Đối với Dự án Khu công nghiệp Phước An (330 ha), Công ty đang triển khai công tác xây dựng theo tiến độ được phê duyệt.

Đối với Dự án đầu tư xây dựng Khu dịch vụ hậu cần Cảng Phước An, Công ty đã cơ bản hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, ký hợp đồng thuê đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đồng thời cơ bản hoàn thành công tác chuẩn bị mặt bằng, sẵn sàng triển khai đầu tư xây dựng.

Trên cơ sở tình hình thực tế, nguồn lực, điều kiện thị trường và cơ hội đầu tư trong từng thời kỳ, Công ty dự kiến tập trung nguồn lực và triển khai các nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn 2026–2030 như sau:

1. Hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, ký hợp đồng thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhận bàn giao toàn bộ diện tích còn lại của Dự án Khu dịch vụ hậu cần Cảng Phước An (Logistics) và Dự án Khu công nghiệp Phước An (330 ha). Tổ chức quản lý, bảo vệ toàn bộ diện tích đất của các dự án, bảo đảm nguyên trạng, hạn chế tái lấn chiếm và sẵn sàng đưa vào sử dụng theo kế hoạch.

2. Hoàn thành đầu tư xây dựng và đưa toàn bộ các phân kỳ của Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An vào khai thác, đáp ứng nhu cầu hàng hóa của khách hàng trong và ngoài khu vực, nâng cao hiệu quả đầu tư và giá trị doanh nghiệp.

3. Hoàn thành đầu tư xây dựng và đưa Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Phước An (330 ha) vào kinh doanh, khai thác; đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thu hút các nhà đầu tư, đối tác tham gia đầu tư, kinh doanh trong Khu công nghiệp, đáp ứng nhu cầu của thị trường.

4. Hoàn thành đầu tư xây dựng và đưa Dự án Khu dịch vụ hậu cần Cảng Phước An (Logistics) vào kinh doanh, khai thác; đáp ứng nhu cầu về kho bãi, nhà

xưởng và dịch vụ logistics của các nhà đầu tư, khách hàng, đồng thời tăng cường liên kết, hỗ trợ giữa Khu dịch vụ hậu cần, Cảng Phước An và Khu công nghiệp Phước An.

5. Rà soát, điều chỉnh tiến độ Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy định hiện hành.

6. Nghiên cứu, chuẩn bị đầu tư và thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai Dự án Bến thu gom và giải tỏa hàng hóa Cảng Phước An (Bến khác), phù hợp với quy hoạch và quy định hiện hành.

7. Nghiên cứu, chuẩn bị đầu tư và thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai các dự án bến thủy nội địa trong Khu công nghiệp Phước An, phù hợp với quy hoạch và quy định hiện hành.

8. Chủ động thực hiện các thủ tục tăng vốn điều lệ, bảo đảm nguồn vốn đối ứng phục vụ đầu tư các phân kỳ còn lại của Dự án Cảng Phước An, Dự án Khu công nghiệp Phước An và Dự án Khu dịch vụ hậu cần Cảng Phước An.

9. Chủ động huy động các nguồn vốn, bao gồm vốn vay ngắn hạn, dài hạn từ các tổ chức, cá nhân, đáp ứng nhu cầu đầu tư và khai thác các dự án do Công ty làm chủ đầu tư.

10. Trong quá trình triển khai đầu tư, xây dựng và huy động vốn vay, trường hợp vốn chủ sở hữu của Công ty không đảm bảo tỷ lệ vốn chủ sở hữu tối thiểu theo yêu cầu của từng dự án hoặc phương án huy động vốn, Công ty sẽ chủ động thực hiện các giải pháp bổ sung vốn chủ sở hữu, bao gồm tăng vốn điều lệ, huy động bổ sung vốn chủ sở hữu và hợp tác đầu tư theo từng giai đoạn, nhằm đảm bảo nguồn vốn đối ứng và đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ vốn chủ sở hữu, bảo đảm tiến độ triển khai các dự án.

11. Thực hiện các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ tài chính liên quan đến hoạt động huy động vốn và các khoản vay của Công ty; sử dụng, thế chấp, cầm cố tài sản và tài sản hình thành trong tương lai để bảo đảm nghĩa vụ theo quy định.

12. Nghiên cứu, thực hiện các thủ tục thành lập và tổ chức hoạt động các công ty con, công ty liên kết nhằm quản lý, khai thác và phát triển hiệu quả nguồn vốn đầu tư; từng bước mở rộng hoạt động đầu tư tài chính, góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp và đầu tư, phát triển các dự án trong các lĩnh vực hạ tầng, cảng biển, logistics, dịch vụ vận tải, dịch vụ lai dắt tàu biển, khu công nghiệp và bất động sản công nghiệp; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, gia tăng giá trị doanh nghiệp và lợi ích của cổ đông, từng bước xây dựng mô hình công ty đầu tư chuyên nghiệp.

13. Dẩy mạnh hợp tác, xúc tiến đầu tư và mời gọi các nhà đầu tư, đối tác tham gia đầu tư, kinh doanh tại Cảng Phước An, Khu dịch vụ hậu cần Cảng Phước An và Khu công nghiệp Phước An do Công ty làm chủ đầu tư.

14. Các chỉ tiêu giai đoạn 2026 -2030: Theo các biểu mẫu 5,6,7,8,9,10 đính kèm

V. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Để hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm của Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030, Công ty đề ra các giải pháp thực hiện như sau:

1. Lập kế hoạch triển khai chi tiết các nhiệm vụ trọng tâm hằng năm; trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch tài chính, chủ động cân đối, sử dụng và huy động nguồn vốn đáp ứng nhu cầu thực hiện các nhiệm vụ đề ra.

2. Tổ chức triển khai cụ thể các nội dung, nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đến các bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện.

3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc và đánh giá tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao; kịp thời chấn chỉnh, xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

4. Chủ động phối hợp, bám sát các Bộ, ngành và cơ quan có thẩm quyền liên quan để kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các dự án và nhiệm vụ của Công ty.

5. Tăng cường hợp tác đầu tư, xúc tiến đầu tư, thu hút các nhà đầu tư, đối tác tham gia đầu tư, hợp tác phát triển các dự án của Công ty.

VI. KIẾN NGHỊ

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch 5 năm 2026–2030 của Công ty; đồng thời ủy quyền cho Hội đồng Quản trị xem xét, quyết định và phê duyệt việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch, phê duyệt các nội dung thuộc Mục tiêu Kế hoạch, bao gồm các nội dung điều chỉnh, bổ sung phát sinh trong quá trình thực hiện Kế hoạch, phù hợp với tình hình thực tế, quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trên đây là Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- HĐQT để b/cáo;
- Lưu: VT, TCKT, QLDA.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trương Hoàng Hải

THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2021-2025 CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng cộng thực hiện 2016- 2020	Kế hoạch 5 năm 2021- 2025 (TĐ phê duyệt)	Thực hiện năm						Tổng cộng thực hiện 2021- 2025	Ghi chú
					2020	2021	2022	2023	2024	2025		
A	B	C	I		2	3	4	5	6	7	8= 2+...+7	9
I	Các chỉ tiêu khối lượng											
II	Các chỉ tiêu tài chính											
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.276,47		1.276,47	1.593,23	3.166,00	4.436,83	7.120,91	11.195,93	11.195,93	
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.110,52		1.110,52	1.520,45	2.096,18	2.089,28	2.455,81	1.951,11	1.951,11	
	Trong đó: Vốn điều lệ	Tỷ đồng	1.100,00		1.100,00	1.500,00	2.000,00	2.000,00	2.320,00	2.320,00	2.320,00	
	- Tỷ lệ tham gia của Tập đoàn	%	0,32		31,8%	23,3%	17,50%	17,50%	15,09%	15,09%	15,09%	
3	Hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu	lần	0,15		0,15	0,05	0,51	1,12	1,90	4,74	4,74	
4	Hệ số nợ/ vốn điều lệ	lần	0,15		0,15	0,05	0,53	1,17	2,01	3,98	3,98	
5	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	128,15		30,63	0,32	5,09	0,00	17,20	342,50	365,11	
5.1	Doanh thu trực tiếp của Công ty mẹ	Tỷ đồng	128,15		30,63	0,32	5,09	0,00	17,20	342,50	365,11	
5.2	Doanh thu từ các công ty thành viên	Tỷ đồng	-		-	-	-	-	-	-	-	
	-Từ các Cty TNHH, chi nhánh	Tỷ đồng	-		-	-	-	-	-	-	-	
	-Từ các Cty CP có vốn góp của do Cty mẹ và Cty mẹ có quyền chi phối	Tỷ đồng	-		-	-	-	-	-	-	-	
	-Từ các Cty LDLK, Cty CP có vốn góp của do Cty mẹ và Cty mẹ không quyền chi phối	Tỷ đồng	-		-	-	-	-	-	-	-	
6	Nợ phải trả (của công ty mẹ 6=6.1+6.2)	Tỷ đồng	165,94		165,94	72,79	1.069,83	2.347,56	4.665,10	9.244,82	9.244,82	
6.1	Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	165,94		165,94	72,79	1.069,83	1.199,62	547,32	4.119,00	4.119,00	
6.2	Nợ dài hạn	Tỷ đồng	0		0	0	0,00	1.147,94	4.118	5.125,82	5.125,82	

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Tổng cộng thực hiện 2016- 2020	Kế hoạch 5 năm 2021- 2025 (TĐ phê duyệt)	Thực hiện năm						Tổng cộng thực hiện 2021- 2025	Ghi chú
					2020	2021	2022	2023	2024	2025		
A	B	C	I		2	3	4	5	6	7	8= 2+...+7	9
7	Tổng chi phí	Tỷ đồng	96,79		16,70	2,34	9,36	6,80	34,50	847,19	900,18	
7.1	Chi phí vốn	Tỷ đồng	0,26		0,00	0,00	0,00	0,00	19,94	346,27	366,21	
7.2	Chi phí quản lý Tổng công ty	Tỷ đồng	94,33		16,67	1,84	6,75	6,74	6,04	44,71	66,09	
7.3	Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	0		-	-	-	-	0,06	21	21,27	
7.4	Chi phí tài chính	Tỷ đồng	2,16		0	0	0	0	8,08	278	286,41	
7.5	Chi phí khác	Tỷ đồng	0,04		0,03	0,50	2,60	0,05	0,385	156,68	160,22	
8	Lãi (lỗ)	Tỷ đồng	31,37		13,94	-2,02	-4,27	-6,80	-17,30	-504,69	-535,07	
9	Xử lý tài chính											
9.1	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	31,37		13,94	-2,02	-4,268	-6,80	-17,30	-504,69	-535,07	
9.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	-		-	-	-	-	-	-	-	
9.3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	31,4		13,94	-2,02	-4,27	-6,80	-17,30	-504,69	-535,07	
9.4	Trích các quỹ	Tỷ đồng	-		-	-	-	-	-	-	-	
9.5	Chia cổ tức cho Tập đoàn	Tỷ đồng	-		-	-	-	-	-	-	-	
9.6	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	%	-		-	-	-	-	-	-	-	
9.7	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ	%	-		-	-	-	-	-	-	-	
III	Chỉ tiêu đầu tư											
1	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đồng			985,22	764,60	1.935,15	3.500,50	573,80	2.134,00	6.774,05	
	Trong đó: - Đầu tư XD CB và MSTTB	Tỷ đồng	1.217,4		985,22	764,60	1.935,15	3.500,50	573,80	2.134,00	6.774,05	
	- Đầu tư tài chính	Tỷ đồng	-		-	-	-	-	-	-	-	
2	Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	989,0		985,22	764,60	1.935,15	3.500,50	573,80	2.134,00	6.774,05	
	Trong đó:											
	- Vốn Tập đoàn cấp	Tỷ đồng	-		-	-	-	-	-	-	-	
	- Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Tỷ đồng	988,99		985,22	764,60	589,23	1.014,42	573,80	434,24	2.942,05	
	- Vốn vay + khác	Tỷ đồng	-		-	-	1.345,92	2.486,08	-	1.699,76	3.832,00	

THỰC HIỆN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ THEO NĂM GIAI ĐOẠN 2021- 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Năm/Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực / Công suất	Thời gian		Kế hoạch năm				Giá trị thực hiện				Giá trị giải ngân				Dinh giá tiền độ thực hiện dự án so với kế hoạch đề ra
				Khởi công	Hoàn thành	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
							Vốn Tập đoàn cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay + khác		Vốn Tập đoàn cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay + khác		Vốn Tập đoàn cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay + khác	
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Năm 2021					764,6	0	764,6	0	764,6	0	764,6	0	764,6	0	764,6	0	
1	Dự án nhóm A																	
1.1	Dự án Cảng Phước An	Xã Phước An, TP. Đồng Nai	Theo kế hoạch đầu tư được cấp	2022	2030	33,6	0	33,6	0	33,6	0	33,6	0	33,6	0	33,6	0	
	Phân kỳ 1			2022	2026	33,6	0	33,6	0	33,6	0	33,6	0	33,6	0	33,6	0	
	Phân kỳ 2			2025	2027	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Phân kỳ 3			2026	2030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1.2	Dự án Khu Công nghiệp Phước An		Theo kế hoạch đầu tư được cấp	2026	2028	506	-	506	-	506	-	506	-	506	-	506	-	
1.3	Dự án Khu Logistic Phước An		Theo kế hoạch đầu tư được cấp	2026	2028	226	-	226	-	226	-	226	-	226	-	226	-	
II	Năm 2022					1.935,2	-	589,2	1.345,9	1.935,2	-	589,2	1.345,9	1.935,2	-	589,2	1.345,9	
1	Dự án nhóm A																	
1.1	Dự án Cảng Phước An	Xã Phước An, TP. Đồng Nai	Theo kế hoạch đầu tư được cấp	2022	2030	1.682,4	-	336,5	1.345,9	1.682,4	-	336,5	1.345,9	1.682,4	-	336,5	1.345,9	
	Phân kỳ 1			2022	2026	1.682,4	-	336,5	1.345,9	1.682,4	-	336,5	1.345,9	1.682,4	-	336,5	1.345,9	
	Phân kỳ 2			2025	2027	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Phân kỳ 3			2026	2030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1.2	Dự án Khu Công nghiệp Phước An		Theo kế hoạch đầu tư được cấp	2026	2028	253	-	253	-	253	-	253	-	253	-	253	-	
1.3	Dự án Khu Logistic Phước An		Theo kế hoạch đầu tư được cấp	2026	2028	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Tổng cộng thực hiện 2016- 2020	Kế hoạch 5 năm 2021- 2025 (TĐ phê duyệt)	Thực hiện năm						Tổng cộng thực hiện 2021- 2025	Ghi chú
					2020	2021	2022	2023	2024	2025		
A	B	C	1		2	3	4	5	6	7	8= 2+...+7	9
IV	Các chỉ tiêu khác											
1	Lao động và thu nhập											
1.1	Hợp nhất:											
	- Số lao động cuối kỳ	Người	17		17	19	21	29	244	487	487	
	- Số lao động bình quân trong kỳ	Người	17		17	19	21	29	244	487	487	
	- Thu nhập bình quân người lao động	Trđ/ng tháng	19		19,00	19,20	20,50	21,50	23,50	25,00	25	
	- Năng suất lao động bình quân (theo doanh thu/ theo sản lượng)	Trđ/ng/tháng: m³, tấn/ng/tháng	150.157		150.157	1.404	20.194	0	5.873	58.607	58.607	
2	Thực hiện đào tạo	Lượt người	-		-	-	-	-	-	-	-	
3	Kinh phí thực hiện đào tạo	Tỷ đồng	-		-	-	-	-	-	-	-	
4	Nghiên cứu khoa học	Đề tài	-		-	-	-	-	-	-	-	
5	Kinh phí nghiên cứu khoa học	Tỷ đồng	-		-	-	-	-	-	-	-	

THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021- 2025 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ DẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Năm/Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực / Công suất	Thời gian		Kế hoạch 2021-2025				Thực hiện 2021-2025				Ước thực hiện từ khởi công đến 31/12/2025				Đánh giá tiến độ thực hiện dự án so với kế hoạch đề ra
				Khởi công	Hoàn thành	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
							Vốn Tập đoàn cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay + khác		Vốn Tập đoàn cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay + khác		Vốn Tập đoàn cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay + khác	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG SỐ																	
1	Nhóm A																	
1	Dự án chuyển tiếp																	
1.1	Dự án Cảng Phước An		Theo gói chung nhà đầu tư đơn cấp															
	Phần kỳ 1	Xã Phước An, TP Đồng Nai		2022	2026	5.294,0	-	1.462,0	3.832,0	5.294,0	-	1.462,0	3.832,0	5.294,0	-	1.462,0	3.832,0	
	Phần kỳ 2			2025	2027	2.142,0	-	442,2	1.699,8	2.142,0	-	442,2	1.699,8	2.142,0	-	442,2	1.699,8	
	Phần kỳ 3			2026	2030	9,3	-	9,3	-	9,3	-	9,3	-	9,3	-	9,3	-	
1.2	Dự án Khu Công nghiệp Phước An 330ha	Xã Phước An, TP Đồng Nai	Theo gói chung nhà đầu tư đơn cấp	2026	2028	1.011,0	-	1.011,0	-	1.011,0	-	1.011,0	-	1.011,0	-	1.011,0	-	
1.3	Dự án Khu Logistic Phước An 220,4ha	Xã Phước An, TP Đồng Nai	Theo gói chung nhà đầu tư đơn cấp	2026	2028	451,0	-	451,0	-	451,0	-	451,0	-	451,0	-	451,0	-	

TT	Năm/Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Sáng lập / Công suất	Thời gian		Kế hoạch năm			Giá trị thực hiện				Giá trị giải ngân				Đánh giá tiến độ thực hiện dự án so với kế hoạch đề ra	
				Khởi công	Hoàn thành	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó					
							Vốn Tập đoàn cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị		Vốn vay + khác	Vốn Tập đoàn cấp		Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay + khác	Vốn Tập đoàn cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị		Vốn vay + khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
III	Năm 2023					3.500,5	-	1.014,4	2.486,1	3.500,5	-	1.014,4	2.486,1	3.500,5	-	1.014,4	2.486,1	
I	Dự án nhóm A																	
1.1	Dự án Cảng Phước An	Xã Phước An, TP. Đồng Nai	Theo giải trình nhân dân tự được cấp	2022	2030	3.090,5	-	604,4	2.486,1	3.090,5	-	604,4	2.486,1	3.090,5	-	604,4	2.486,1	
	Phân kỳ 1			2022	2026	3.090,5	-	604,4	2.486,1	3.090,5	-	604,4	2.486,1	3.090,5	-	604,4	2.486,1	
	Phân kỳ 2			2025	2027	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Phân kỳ 3			2026	2030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1.2	Dự án Khu Công nghiệp Phước An		Theo giải trình nhân dân tự được cấp	2026	2028	210	-	210	-	210	-	210	-	210	-	210	-	
1.3	Dự án Khu Logistic Phước An		Theo giải trình nhân dân tự được cấp	2026	2028	200	-	200	-	200	-	200	-	200	-	200	-	
IV	Năm 2024					573,8	0	573,8	0	573,8	0	573,8	0	573,8	0	573,8	0	
I	Dự án nhóm A																	
1.1	Dự án Cảng Phước An	Xã Phước An, TP. Đồng Nai	Theo giải trình nhân dân tự được cấp	2022	2030	504,8	-	504,8	-	504,8	-	504,8	-	504,8	-	504,8	-	
	Phân kỳ 1			2022	2026	487,5	-	487,5	-	487,5	-	487,5	-	487,5	-	487,5	-	
	Phân kỳ 2			2025	2027	17,3	-	17,3	-	17,3	-	17,3	-	17,3	-	17,3	-	
	Phân kỳ 3			2026	2030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1.2	Dự án Khu Công nghiệp Phước An		Theo giải trình nhân dân tự được cấp	2026	2028	43	-	43	-	43	-	43	-	43	-	43	-	
1.3	Dự án Khu Logistic Phước An			2026	2028	26	-	26	-	26	-	26	-	26	-	26	-	
V	Kế hoạch năm 2025					2.134,0	-	434,2	1.699,8	-	-	434,2	1.699,8	-	-	434,2	1.699,8	
I	Dự án nhóm A																	
1.1	Dự án Cảng Phước An	Xã Phước An, TP. Đồng Nai	Theo giải trình nhân dân tự được cấp	2022	2030	2.134,0	-	434,2	1.699,8	-	-	434,2	1.699,8	-	-	434,2	1.699,8	
	Phân kỳ 1			2022	2026	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Phân kỳ 2			2025	2027	2.124,7	-	424,9	1.699,8	-	-	424,9	1.699,8	-	-	424,9	1.699,8	
	Phân kỳ 3			2026	2030	9,3	-	9,3	-	-	-	9,3	-	-	-	9,3	-	
1.2	Dự án Khu Công nghiệp Phước An		Theo giải trình nhân dân tự được cấp	2026	2028	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.3	Dự án Khu Logistic Phước An		Theo giải trình nhân dân tự được cấp	2026	2028	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	

THỰC HIỆN ĐẦU TƯ THỜI NAM GIẢI PHÓNG 1954-2021 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

STT	Tên dự án	Mã dự án	Năm giải ngân				Phạm vi đầu tư (theo đơn vị)																								Tổng vốn đầu tư (theo đơn vị)												Tổng vốn đầu tư (theo đơn vị)				Tỷ lệ thực hiện (%)	Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
			Năm giải ngân	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Mã đơn vị	2011								2012								2013								2014								2015										2016								2017																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	
							2011				2012				2013				2014				2015				2016				2017				2018				2019				2020						2021				2022																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
							2011		2012		2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019		2020		2021		2022		2023		2024		2025		2026		2027		2028		2029		2030																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													
							2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	2031	2032	2033	2034	2035	2036	2037	2038	2039	2040	2041	2042	2043	2044	2045	2046	2047	2048	2049	2050																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện giai đoạn 2021- 2025	Kế hoạch năm					Tổng cộng kế hoạch 2026- 2030	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2026- 2030 (%)	Ghi chú
				2026	2027	2028	2029	2030			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7= 2+...+6	8	9
I	Các chỉ tiêu khối lượng										
II	Các chỉ tiêu tài chính										
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	11.196	16.022	23.861	26.333	28.545	25.479	25.479		
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.951	3.120	5.407	4.183	2.735	1.413	1.413		
	<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	Tỷ đồng	2.320	3.570	6.770	6.770	6.770	6.770	6.770		
	<i>- Tỷ lệ tham gia của Tập đoàn</i>	%	15,1%	9,80%	-	-	-	-	-		
3	Hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu	lần	4,74	4,14	3,41	5,29	9,44	17,03	17,03		
4	Hệ số nợ/ vốn điều lệ	lần	3,98	3,61	2,73	3,27	3,81	3,55	3,55		
5	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	365	1.067	1.192	1.335	1.496	1.876	6.965		
5.1	Doanh thu trực tiếp của Công ty mẹ	Tỷ đồng	365	1.067	1.192	1.335	1.496	1.876	6.965		
5.2	Doanh thu từ các công ty thành viên	Tỷ đồng	-	-	-	-	-	-			
6	Nợ phải trả (của công ty mẹ 6=6.1+6.2)	Tỷ đồng	9.245	12.902	18.454	22.150	25.810	24.066	24.066		
6.1	Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	4.119	3.150	3.100	3.000	3.000	3.000	3.000		
6.2	Nợ dài hạn	Tỷ đồng	5.126	9.752	15.354	19.150	22.810	21.066	21.066		
7	Tổng chi phí	Tỷ đồng	9.245	1.591	2.104	2.559	2.944	3.198	12.396		
7.1	Chi phí vốn	Tỷ đồng	4.119	768	810	854	912	1.107	4.452		
7.2	Chi phí quản lý Tổng công ty	Tỷ đồng	5.126	107	101	100	102	116	526		
7.3	Chi phí bán hàng, lãi vay	Tỷ đồng	900	716	1.193	1.604	1.930	1.974	7.418		
7.4	Chi phí....	Tỷ đồng	366	-	-	-	-	-	-		
8	Lãi (lỗ)	Tỷ đồng	66	(524)	(913)	(1.224)	(1.448)	(1.322)	(5.431)		
9	Nữ lý tài chính		21						-		
9.1	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	286	(524)	(913)	(1.224)	(1.448)	(1.322)	(5.431)		
9.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	160	-	-	-	-	-	-		
9.3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(535)	(524)	(913)	(1.224)	(1.448)	(1.322)	(5.431)		
9.4	Trích các quỹ	Tỷ đồng	-	-	-	-	-	-	-		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện giai đoạn 2021- 2025	Kế hoạch năm					Tổng cộng kế hoạch 2026- 2030	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2026- 2030 (%)	Ghi chú
				2026	2027	2028	2029	2030			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7= 2+...+6	8	9
9.5	Chia cổ tức cho Tập đoàn	Tỷ đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	
9.6	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	%	-	-	-	-	-	-	-	-	
9.7	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ	%	-23,06%	-14,69%	-13,48%	-18,08%	-21,40%	-19,52%	-80,22%	-	
III	Chỉ tiêu đầu tư		-								
1	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	8.908	8.579	6.604	5.672	5.269	-	26.124		
	Trong đó: - Đầu tư XDCB và MSTTB	Tỷ đồng	8.908	8.579	6.604	5.672	5.269	-	26.124		
	- Đầu tư tái chính	Tỷ đồng	-								
2	Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	8.908	8.579	6.604	5.672	5.269	-	26.124		
	Trong đó:		8.908	8.579	6.604	5.672	5.269	-	26.124		
	- Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Tỷ đồng	2.942	1.216	1.067	889	1.054	-	4.225		
	- Vốn vay + khác	Tỷ đồng	5.966	7.363	5.537	4.783	4.215	-	21.899		
IV	Các chỉ tiêu khác										
1	Lao động và thu nhập										
	- Số lao động cuối kỳ	Người	487	650	750	850	1.050	1.200	1.200		
	- Số lao động bình quân trong kỳ	Người	487	650	750	850	1.050	1.200	1.200		
	- Thu nhập bình quân người lao động	Trđ/ng tháng	25	26	28	30	32	35	35,00		
	- Năng suất lao động bình quân (theo doanh thu/ theo sản lượng)	Trđ/ng/m², tấn/ng/ha...	58.607	-	-	-	-	-	-		
2	Thực hiện đào tạo	Lượt người	-	-	-	-	-	-	-		
3	Kinh phí thực hiện đào tạo	Tỷ đồng	-	-	-	-	-	-	-		
4	Nghiên cứu khoa học	Dề tài	-	-	-	-	-	-	-		
5	Kinh phí nghiên cứu khoa học	Tỷ đồng	-	-	-	-	-	-	-		

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Hình thức đầu tư	Thời gian		Tổng mức đầu tư	Tỷ lệ thực hiện đầu tư 30/12/2025	Kế hoạch 5 năm 2026-2030 (giá trị thực hiện đầu tư)																Ghi chú							
				Năm công	Năm thanh			Năm 2026			Năm 2027			Năm 2028			Năm 2029			Năm 2030			Tổng cộng 5 năm 2026-2030								
								Tổng số	Vốn chi trả		Vốn vay khác	Tổng số	Vốn chi trả		Vốn vay khác	Tổng số	Vốn chi trả		Vốn vay khác	Tổng số	Vốn chi trả		Vốn vay khác		Tổng số	Vốn chi trả		Vốn vay khác			
									Vốn Tập đoàn cấp	Vốn Chủ sở hữu của đơn vị			Vốn Tập đoàn cấp	Vốn Chủ sở hữu của đơn vị			Vốn Tập đoàn cấp	Vốn Chủ sở hữu của đơn vị			Vốn Tập đoàn cấp	Vốn Chủ sở hữu của đơn vị				Vốn Tập đoàn cấp	Vốn Chủ sở hữu của đơn vị		Vốn Tập đoàn cấp	Vốn Chủ sở hữu của đơn vị	Vốn Tập đoàn cấp
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29			
1	Cơ sở an dân tư xây dựng	Xã Phước An, TP Vũng Mũi	Thay đổi công nghệ đầu tư	2022	2028	21.812,3	8.786,1	8.779,8	-	1.219,8	7.563,2	6.883,9	-	1.866,7	5.517,2	5.671,2	-	389,2	4.783,8	5.289,8	-	1.851,8	4.119,2	-	-	-	-	36.524	-	4.225	21.899
1.1	Dự án Cảng Phước An	Xã Phước An, TP Vũng Mũi	Thay đổi công nghệ đầu tư	2022	2030	28.270,7	1.415,2	6.879,8	-	1.219,8	4.660,2	5.133,2	-	1.866,7	4.286,8	4.648,8	-	389,2	3.556,8	5.289,8	-	1.851,8	4.119,2	-	-	-	-	21.127	-	4.225	28.902
	Phần 1	SA	SA	2022	2028	5.158,9	5.158,9	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Phần 2	SA	SA	2023	2027	4.364,0	1.142,8	4.279,0	-	959,8	3.425,2	1.993,2	-	778,7	2.916,8	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.072	-	1.214	4.918
	Phần 3	SA	SA	2026	2030	14.675,1	93	1.891,0	-	260,0	1.488,8	3.480,0	-	1086,9	2.712,0	4.648,8	-	899,2	3.556,8	5.289,8	-	1.851,8	4.119,2	-	-	-	-	14.895	-	2.990	11.964
1.2	Dự án Khu Công nghiệp Phước An 1B&A	Xã Phước An, TP Vũng Mũi	Thay đổi công nghệ đầu tư	2026	2028	2.115,0	0,0	2.588	-	-	2.588	48,8	-	1	84,8	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.514	-	-	2.514
1.3	Dự án Khu Logistics Phước An 1B&A	Xã Phước An, TP Vũng Mũi	Thay đổi công nghệ đầu tư	2026	2028	2.885,0	482	0	-	-	-	3.236,0	-	-	1.226,0	1.226	-	-	1.126,0	-	-	-	-	-	-	-	-	2.472	-	-	2.472

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ THEO NĂM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Năm/Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực / Công suất	Thời gian		Tổng mức đầu tư/Đã hoàn thành được duyệt						Giá trị thực hiện				Giá trị giải ngân			Ghi chú	
				Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định	Ngày, tháng được duyệt	Cơ quan được duyệt	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
									Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
										Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác			Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác			Vốn chủ sở hữu		Vốn vay + khác
									Vốn Tập đoàn cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay + khác		Vốn Tập đoàn cấp	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác		Vốn Tập đoàn cấp	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác	
A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P	Q	R	S	T	U
I	Năm 2026																			
I	Dự án nhóm A		Thao giã chung nhân đầu tư được cấp						8,579	-	1,216	7,363	8579	-	1,216	7,363	8579	-	1,216	7,363
I.1	Dự án Cảng Phước An	KI Phước An, TP Đồng Nà		2022	2028				6,079	-	1,216	4,863	6079	-	1,216	4,863	6079	-	1,216	4,863
	Phần kỳ 1	NT	NT	2022	2026	097/NQ-PAF và 55/NQ-PAF	16/05/2022 28/09/2024	Hội đồng quản trị	-	-	-	-	0	-	-	-	0	-	-	-
	Phần kỳ 2	NT	NT	2025	2027	25/NQ-PAF và 08/NQ-PAF	24/05/2023 01/10/2025	Hội đồng quản trị	4,279	-	804	3,475	4279	-	804	3,475	4279	-	804	3,475
	Phần kỳ 3	NT	NT	2026	2029	68/NQ-PAF	01/07/2026	Hội đồng quản trị	1,800	-	196	1,604	1800	-	300	1,440	1800	-	300	1,440
I.1	Dự án Khu Công nghiệp Phước An	KI Phước An, TP Đồng Nà	Thao giã chung nhân đầu tư được cấp	2026	2028	05/NQ-PAF và 12/NQ-PAF	25/09/2023 27/01/2026	Hội đồng quản trị	2,500	-	-	2,500	2500	-	-	2,500	2500	-	-	2,500
I.2	Dự án Khu Logistic Phước An	KI Phước An, TP Đồng Nà	Thao giã chung nhân đầu tư được cấp	2026	2028				-	-	-	-	0	-	-	-	0	-	-	-
II	Năm 2027	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	-											
I	Dự án nhóm A								6,694	-	1,067	5,627	6693,9	-	1,067	5,627	6693,9	-	1,067	5,627
I.1	Dự án Cảng Phước An								5,333	-	1,067	4,267	5333,3	-	1,067	4,267	5333,3	-	1,067	4,267
	Phần kỳ 1								-	-	-	-	0	-	-	-	0	-	-	-
	Phần kỳ 2								1,993	-	379	1,614	1993,2	-	379	1,614	1993,3	-	379	1,614
	Phần kỳ 3								3,440	-	688	2,752	3440	-	688	2,752	3440	-	688	2,752
I.2	Dự án Khu Công nghiệp Phước An								44	-	-	44	44,4	-	-	44	44,4	-	-	44
I.3	Dự án Khu Logistic Phước An								1,226	-	-	1,226	1226,2	-	-	1,226	1226,2	-	-	1,226
III	Năm 2028	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT												
I	Dự án nhóm A								5,671	-	889	4,783	5671,2	-	889	4,783	5672,2	-	889	4,783
I.2	Dự án Cảng Phước An								4,446	-	889	3,557	4446	-	889	3,557	4446	-	889	3,557
	Phần kỳ 1								-	-	-	-	0	-	-	-	0	-	-	-
	Phần kỳ 2								-	-	-	-	0	-	-	-	0	-	-	-
	Phần kỳ 3								4,446	-	889	3,557	4446	-	889	3,557	4446	-	889	3,557

TT	Năm/Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực / Công suất	Thời gian		Tổng mức đầu tư/dự toán được duyệt							Giá trị thực hiện				Giá trị giải ngân			Ghi chú	
				Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định	Ngày, tháng, duyệt	Cơ quan duyệt	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
									Tổng số	Trong đó			Vốn chủ sở hữu	Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay + khác		Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác	Vốn chủ sở hữu		Vốn vay + khác
										Vốn Tập đoàn cấp	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác									
										A	B	1	2	3	4		5	6	7		8
1.1	Dự án Khu Công nghiệp Phước An								-	-	-	-	0	-	-	-	0	-	-	-	
1.2	Dự án Khu Logistic Phước An								1.136	-	-	1.126	1236,2	-	-	1.126	1216,2	-	-	1.126	
IV	Năm 2019	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT													
1	Dự án nhóm A								5.269	-	1.054	4.215	5269	-	1.054	4.215	5269	-	1.054	4.215	
1.1	Dự án Cảng Phước An								5.269	-	1.054	4.215	5269	-	1.054	4.215	5269	-	1.054	4.215	
	Phần 1: 1								-	-	-	-	0	-	-	-	0	-	-	-	
	Phần 1: 2								-	-	-	-	0	-	-	-	0	-	-	-	
	Phần 1: 3								5.269	-	1.054	4.215	5269	-	1.054	4.215	5269	-	1.054	4.215	
1.2	Dự án Khu Công nghiệp Phước An								-	-	-	-	0	-	-	-	0	-	-	-	
1.2	Dự án Khu Logistic Phước An								-	-	-	-	0	-	-	-	0	-	-	-	
V	Năm 2020	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	-				0	-	-	-	0	-	-	-	
1	Dự án nhóm A								-	-	-	-	0	-	-	-	0	-	-	-	
1.1	Dự án Cảng Phước An								-	-	-	-	0	-	-	-	0	-	-	-	
	Phần 1: 1								-	-	-	-	0	-	-	-	0	-	-	-	
	Phần 1: 2								-	-	-	-	0	-	-	-	0	-	-	-	
	Phần 1: 3								-	-	-	-	0	-	-	-	0	-	-	-	
1.2	Dự án Khu Công nghiệp Phước An								-	-	-	-	0	-	-	-	0	-	-	-	
1.2	Dự án Khu Logistic Phước An								-	-	-	-	0	-	-	-	0	-	-	-	

NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Tên dự án	Năm 2026				Năm 2027				Năm 2028				Năm 2029				Năm 2030				Tổng KH 5 năm 2026- 2030				Ghi chú
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			Vốn Tập đoàn cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay + khác		Vốn Tập đoàn cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay + khác		Vốn Tập đoàn cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay + khác		Vốn Tập đoàn cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay + khác		Vốn Tập đoàn cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay + khác		Vốn Tập đoàn cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay + khác	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
A	Các Dự án BTXD																									
1	Dự án chuyển tiếp	8.879	-	1.216	7.363	6.604	-	1.067	5.537	5.672	-	889	4.783	5.269	-	1.054	4.215	-	-	-	-	26.124	-	4.215	21.899	
1.1	Dự án Cảng Phước An	6.079	-	1.216	4.863	5.333	-	1.067	4.267	4.446	-	889	3.557	5.269	-	1.054	4.215	-	-	-	-	21.127	-	4.215	16.902	
	Phân kỳ 1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Phân kỳ 2	4.279	-	856	3.423	1.893	-	379	1.515	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.172	-	1.234	4.938	
	Phân kỳ 3	1.800	-	360	1.440	3.440	-	688	2.752	4.406	-	889	3.557	5.269	-	1.054	4.215	-	-	-	-	14.955	-	2.991	11.964	
1.2	Dự án Khu Công nghiệp Phước An	2.500	-	-	2.500	44	-	-	44	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.544	-	-	2.544	
1.3	Dự án Khu Logistic Phước An	-	-	-	-	1.226	-	-	1.226	1.226	-	-	1.226	-	-	-	-	-	-	-	-	2.452	-	-	2.452	

KẾ HOẠCH VỐN CHỦ SỞ HỮU GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Nội dung	Vốn chủ sở hữu	Vốn Điều lệ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Ghi chú
1	Ước tại ngày 31/12/2025	1.951	2.320	-	-	-	-	(505)	
2	Ước tại ngày 31/12/2026	3.120	3.570	-	-	-	-	(524)	
	- Ước tăng trong năm		1.250	-	-	-	-	-	
	- Ước giảm trong năm	(524)	-	-	-	-	-	-	
3	Ước tại ngày 31/12/2027	5.407	6.770	-	-	-	-	(913)	
	- Ước tăng trong năm		3.200	-	-	-	-	-	
	- Ước giảm trong năm	(913)	-	-	-	-	-	-	
4	Ước tại ngày 31/12/2028	4.183	6.770	-	-	-	-	(1.224)	
	- Ước tăng trong năm		0	-	-	-	-	-	
	- Ước giảm trong năm	(1.224)	-	-	-	-	-	-	

5	Ước tại ngày 31/12/2029	2.735	6.770	-	-	-	-	(1.448)	
	- Ước tăng trong năm		0	-	-	-	-	-	
	- Ước giảm trong năm	(1.448)	-	-	-	-	-	-	
6	Ước tại ngày 31/12/2030	1.413	6.770	-	-	-	-	(1.322)	
	- Ước tăng trong năm		-	-	-	-	-	-	
	- Ước giảm trong năm	(1.322)	-	-	-	-	-	-	

Ghi chú: Trong quá trình triển khai đầu tư, xây dựng và huy động vốn vay, trường hợp vốn chủ sở hữu của Công ty không đảm bảo tỷ lệ vốn chủ sở hữu tối thiểu theo yêu cầu của từng dự án hoặc phương án huy động vốn, Công ty sẽ chủ động thực hiện các giải pháp bổ sung vốn chủ sở hữu, bao gồm tăng vốn điều lệ, huy động bổ sung vốn chủ sở hữu và hợp tác đầu tư theo từng giai đoạn, nhằm đảm bảo nguồn vốn đối ứng và đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ vốn chủ sở hữu, bảo đảm tiến độ triển khai các dự án.

ST	Thang năm	Tên dự án đầu tư	Thống kê			Tổng vốn đầu tư dự kiến	Số tháng năm																								Tổng số vốn đầu tư thực hiện 2016 - 2019				Ghi																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																							
			Số dự án	Số dự án	Số dự án		2016						2017						2018						2019						2020																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
							Tháng 10		Tháng 11		Tháng 12		Tháng 1		Tháng 2		Tháng 3		Tháng 4		Tháng 5		Tháng 6		Tháng 7		Tháng 8		Tháng 9		Tháng 10		Tháng 11			Tháng 12																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						
							Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án		Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án	Số dự án



TỜ TRÌNH

V/v thông qua chủ trương đầu tư Phân kỳ 3.2 - Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An;

Căn cứ Nghị quyết số 098/NQ-PAP ngày 08 tháng 3 năm 2011 của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình “Cảng Phước An, tuyến đường kết nối vào Cảng Phước An và khu dịch vụ hậu cần cảng”;

Căn cứ Nghị quyết số 218/NQ-PAP ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An về việc phê duyệt chủ trương điều chỉnh Dự án Cảng Phước An và Khu dịch vụ hậu cần cảng (Logistics);

Căn cứ tình hình thực tế triển khai Dự án và nhu cầu đầu tư của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An (“Công ty”) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua chủ trương đầu tư Phân kỳ 3.2 - Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An (“Phân kỳ 3.2”), cụ thể:

I. Tình hình triển khai

Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An được Công ty triển khai theo từng phân kỳ đầu tư, phù hợp với quy hoạch, tiến độ thực hiện, nhu cầu khai thác và khả năng huy động nguồn lực của Công ty.

Trên cơ sở tình hình thực hiện các phân kỳ đầu tư, nhu cầu phát triển hoạt động khai thác cảng, logistics và các dịch vụ liên quan, Công ty đã và đang triển khai các phân kỳ của Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An, nhằm đầu tư xây dựng các hạng mục cần thiết, từng bước hoàn thiện năng lực khai thác và phát huy hiệu quả của Dự án.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc triển khai và phê duyệt các thủ tục liên quan đến đầu tư xây dựng Phân kỳ 3 - Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An nhằm hoàn thiện cấu trúc tuyến bến, phù hợp với quy hoạch tổng thể đã được phê duyệt và đáp ứng nhu cầu hàng hóa trong và ngoài khu vực, Hội đồng quản trị đã phê duyệt Tổng mức đầu tư, dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hợp đồng nội bộ và người có liên quan đối với các gói thầu thuộc Phân kỳ 3.1 theo quy định. Hiện nay, Phân kỳ 3.1 đang được triển khai thi công theo tiến độ được phê duyệt.

Trong quá trình chuẩn bị triển khai Phân kỳ 3.2 - Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An, Công ty nhận thấy một số máy móc, thiết bị chuyên dụng, đặc chủng phục vụ Dự án chủ yếu phải nhập khẩu từ nước ngoài, có yêu cầu đặt hàng và thanh toán trước cho nhà sản xuất bằng ngoại tệ, thực hiện thủ tục mở L/C, trong khi



thời gian sản xuất và giao hàng tối thiểu khoảng 12 tháng kể từ thời điểm đặt hàng và thanh toán. Bên cạnh đó, quá trình mua sắm và nhập khẩu các thiết bị này còn chịu tác động của biến động tỷ giá ngoại tệ và thời gian thực hiện các thủ tục thanh toán, nhập khẩu, vận chuyển.

Do đó, để chủ động nguồn lực, bảo đảm tiến độ cung ứng thiết bị và rút ngắn thời gian triển khai Phân kỳ 3.2, Công ty đã chủ động thực hiện đặt mua một số máy móc, thiết bị chuyên dụng phục vụ Dự án từ nguồn vốn vay của ngân hàng. Việc đặt mua trước là cần thiết nhằm tránh trường hợp phải chờ hoàn tất toàn bộ thủ tục phê duyệt Tổng mức đầu tư mới tiến hành đặt hàng, dẫn đến kéo dài thời gian cung ứng và ảnh hưởng đến tiến độ triển khai, hoàn thành và đưa Phân kỳ 3.2 vào khai thác.

Các máy móc, thiết bị đã đặt mua được Công ty rà soát, xác định phù hợp với nhu cầu sử dụng, công năng và phạm vi đầu tư của Phân kỳ 3.2. Giá trị các máy móc, thiết bị đã mua sắm và các chi phí có liên quan được tổng hợp trên cơ sở hợp đồng, hóa đơn, chứng từ và giá trị thực tế phát sinh, làm cơ sở cập nhật vào khoản mục chi phí thiết bị trong Tổng mức đầu tư Phân kỳ 3.2 của Dự án và được đưa vào phần công việc đã thực hiện.

Việc chủ động đặt mua một số máy móc, thiết bị nêu trên nhằm bảo đảm tiến độ cung ứng, hạn chế rủi ro do biến động tỷ giá và thời gian thực hiện các thủ tục liên quan, đồng thời không làm thay đổi mục tiêu, quy mô và phạm vi đầu tư của Phân kỳ 3.2.

Hiện nay, Công ty đang triển khai các thủ tục liên quan để đầu tư xây dựng Phân kỳ 3.2 với quy mô dự kiến như sau:

- Diện tích: 45 ha;
- Chiều dài cầu cảng: 985 m;
- Chiều rộng cầu cảng: 48 m;
- Tổng mức đầu tư dự kiến: 5.982,5 tỷ đồng.

II. Nội dung kiến nghị

Trên cơ sở tình hình triển khai Dự án và nhu cầu sử dụng dịch vụ cảng trong thời gian tới, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư Phân kỳ 3.2 - Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An, với các nội dung sau:

1. Thông qua chủ trương đầu tư Phân kỳ 3.2 - Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An, cụ thể:

- Tên dự án đầu tư: Phân kỳ 3.2 - Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An;
- Mục tiêu đầu tư: Nâng cao năng lực khai thác cảng, phát triển các hoạt động logistics và dịch vụ liên quan, phù hợp với quy hoạch và định hướng phát triển của Công ty;
- Địa điểm đầu tư: Cảng Phước An, Ấp Bà Trường, Xã Phước An, Thành phố Đồng Nai;
- Quy mô: Diện tích 45 ha; chiều dài cầu cảng 985 m; chiều rộng cầu cảng 48 m;
- Tổng mức đầu tư dự kiến: 5.982,5 tỷ đồng.
- Nguồn vốn đầu tư:

0320
TỶ
IÂN
ĐẦU
C C
C AN
D

- + Vốn chủ sở hữu của Công ty;
- + Vốn vay từ ngân hàng, tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính;
- + Vốn huy động thông qua các hình thức huy động vốn hợp pháp khác;
- + Các nguồn vốn hợp pháp khác;
- Tiến độ thực hiện dự kiến: 2026 - 2027.

Quy mô, tổng mức đầu tư và thời gian thực hiện sẽ được cập nhật trên cơ sở thiết kế, dự toán được lập, thẩm tra, thẩm định và được Hội đồng quản trị phê duyệt theo quy định

2. Giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- Tổ chức triển khai lập thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán, lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu và thực hiện các thủ tục có liên quan đến đầu tư xây dựng Phân kỳ 3.2 - Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An theo quy định;

- Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, tổng mức đầu tư chính thức trên cơ sở thiết kế, dự toán được lập, thẩm tra và thẩm định theo quy định; phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Phân kỳ 3.2 - Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An;

- Thực hiện các thủ tục tăng vốn điều lệ và huy động vốn chủ sở hữu nhằm bảo đảm nguồn vốn đối ứng để triển khai đầu tư xây dựng Phân kỳ 3.2 - Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An;

- Quyết định phương án huy động vốn, thu xếp và sử dụng nguồn vốn để thực hiện Phân kỳ 3.2 - Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An, bao gồm vốn chủ sở hữu, vốn vay, hạn mức tín dụng và các nguồn vốn hợp pháp khác; quyết định việc vay vốn, ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng vay, thỏa thuận tài trợ và các tài liệu có liên quan;

- Quyết định các biện pháp bảo đảm cho nghĩa vụ tài chính của Công ty liên quan đến việc huy động vốn thực hiện Phân kỳ 3.2 - Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An, bao gồm thế chấp, cầm cố tài sản, tài sản hình thành trong tương lai và các biện pháp bảo đảm khác theo quy định pháp luật;

- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, nhà cung cấp; đàm phán, ký kết và thực hiện các hợp đồng phục vụ triển khai Phân kỳ 3.2 - Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An và quyết định các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tình hình triển khai Phân kỳ 3.2 - Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website PAP;
- Lưu: VT, HĐQT.



Nguyễn Thành Đạt

TỜ TRÌNH

V/v Điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông công ty

Căn cứ Luật đầu tư số 143/2025/QH15.

Căn cứ Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Căn cứ Quyết định số 979/QĐ-BXD ngày 30/06/2025 của Bộ Xây dựng về phê duyệt quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Căn cứ Văn bản kiến nghị của cổ đông về việc Điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An;

Căn cứ báo cáo của Tổng Giám đốc Công ty về Điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An tại văn bản số 1801/PAP-QLDA ngày 21/09/2026;

Căn cứ tình hình hoạt động thực tế và định hướng phát triển của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An, cụ thể:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI DỰ ÁN

1. Các thủ tục chuẩn bị đầu tư: Công ty đã hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư dự án Dự án Đầu tư xây dựng Cảng Phước An được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt: Quy hoạch chi tiết xây dựng; Báo cáo nghiên cứu khả thi; Hồ sơ đánh giá tác động môi trường; Thiết kế bản vẽ thi công; Giấy phép xây dựng; Phương án đảm bảo an hàng hải để phục vụ thi công xây dựng.

2. Bồi thường giải phóng mặt bằng, thuê đất: Công ty đã hoàn thành bồi thường được UBND tỉnh Đồng Nai giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 157,3ha sẵn sàng cho việc đầu tư xây dựng các Phân kỳ của dự án

3. Triển khai thi công xây dựng

Trên cơ sở các thủ tục chuẩn bị đầu tư được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận/ phê duyệt và hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, Công ty đã triển khai thi công, xây dựng Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An theo từng phân kỳ dự án phù hợp với quy hoạch, tiến độ thực hiện, nhu cầu khai thác và khả năng huy động nguồn lực của Công ty, cụ thể:

- **Phân kỳ 1:** Hoàn thành thi công xây dựng được các cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu về xây dựng, cấp giấy phép môi trường, công bố mở cầu cảng, cấp chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển, cấp mã cảng. Hiện, đã đưa vào vận hành, khai thác ổn định tuân thủ theo quy định hiện hành.

- **Phân kỳ 2:** Dự án đã hoàn thành công tác xây dựng Cầu cảng số 6 nổi dài, Cầu cảng số 7, Cầu cảng số 8, Cầu cảng số 9 và được Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Công an tỉnh Đồng Nai chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy tại văn bản số 113/NT-PCCC ngày 13/11/2025 và văn bản số 23/NT-PCCC ngày 20/05/2026; được Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam cấp giấy chứng nhận phù hợp của cảng biển số ISPS/SoCPF/329/VN ngày 28/11/2025 và số ISPS/SoCPF/329/VN ngày 26/05/2026; được Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng nghiệm thu tại văn bản số 4830/CQLXD-CCPN ngày 01/12/2025, văn bản số 1657/CQLXD-CCPN ngày 09/06/2026 và văn bản số 2588/KTQLXD-CCPN ngày 13/08/2026; được Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam công bố mở cầu cảng tại văn bản số 2620/QĐ-CHHĐTVN ngày 05/12/2025, văn bản số 1400/QĐ-CHHĐTVN ngày 18/6/2026 và văn bản số 2178/QĐ-CHHĐTVN ngày 27/8/2026. Hiện nay, cầu cảng số 6 nổi dài; cầu cảng số 7; cầu cảng số 8 và cầu cảng số 9 đang được vận hành khai thác, các hạng mục còn lại của dự án đang được triển khai thi công theo các quy định hiện hành, đảm bảo tiến độ đầu tư.

- **Phân kỳ 3:**

+ **Phân kỳ 3.1:** Dự án được Cục Hàng Hải và Đường thủy Việt Nam thỏa thuận vị trí, quy mô bến cảng tại văn bản số 3809/CHHĐTVN-KCHT ngày 13/8/2025; Sở xây dựng tỉnh Đồng Nai thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi tại văn bản số 1822/SXD-QLHTKT ngày 13/2/2026; Viện Xây dựng Công trình biển thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi tại văn bản số 17/2026/BCTT ngày 14/01/2026; Viện Xây dựng Công trình biển thẩm tra thiết kế BVTC tại văn bản số 78/2026/BCTT ngày 18/03/2026; Viện Xây dựng Công trình biển thẩm tra dự toán tại văn bản 225/2026/BCTT ngày 30/06/2026; Phòng cảnh sát PCCC và CNCH tỉnh Đồng Nai thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy tại văn bản số 16/TĐ-PCCC ngày 14/05/2026; Công ty TNHH Sở hữu Minh Khai thẩm định thiết kế bản vẽ thi công tại báo cáo số 14/TĐTK/MKH-PAP ngày 01/07/2026; Cảng vụ Hàng Hải Đồng Nai phê duyệt phương án đảm bảo an toàn Hàng Hải tại Quyết định số 215/QĐ-CVHHĐN ngày 13/07/2026. Trên cơ sở chấp thuận của cơ quan thẩm quyền, thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị đã Phê duyệt Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phê duyệt thông qua việc ký kết các hợp đồng/ giao dịch giữa Công ty với Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan tại Nghị quyết số: 60/NQ - PAP, nghị quyết số 61/NQ - PAP và Nghị quyết 62/NQ - PAP ngày 03/07/2026. Hiện các hạng mục của dự án đang được triển khai thi công theo các quy định hiện hành, đảm bảo tiến độ đầu tư.

+ **Phân kỳ 3.2:** Công ty đang triển khai các thủ tục liên quan đến đầu tư, xây dựng Phân kỳ 3.2 để đáp ứng nhu cầu thị trường, hoàn thiện đồng bộ kết cấu hạ tầng cảng, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả đầu tư dự án. Hiện nay, đơn vị tư vấn đã cơ bản hoàn thành lập dự toán và đang triển khai các thủ tục liên quan để đầu tư xây dựng Phân kỳ 3.2 với tổng mức đầu tư khoảng 5.982 tỷ đồng.

4. Mua sắm máy móc thiết bị:

- **Phân kỳ 1:** Hoàn thành mua sắm, nhập khẩu máy móc thiết bị và đưa vào sử dụng: 06 cầu STS, 15 cầu RTG, 16 xe đầu kéo nội bộ, 16 rơ moóc nội bộ, 01 xe nâng container hàng, 01 xe nâng container rỗng, 04 trạm cân, 01 xe quét đường, 07 xe điện chở khách, 02 xe khách 47 chỗ, 02 xe nâng điện 2,5 tấn, hệ thống phần mềm vận hành khai thác cảng, các thiết bị cầm tay phục vụ khai thác (máy VMT, bộ đàm, ...), hệ thống máy tính, thiết bị CNTT văn phòng.

- **Phân kỳ 2:** Hoàn thành mua sắm, nhập khẩu và đưa vào sử dụng: 06 cầu STS, 10 cầu RTG, 50 xe dầu kéo điện nội bộ, 50 rơ moóc nội bộ, 02 xe nâng container hàng điện, 04 xe nâng container rỗng điện. Hiện tại, Công ty đã đặt hàng 5 cầu STS, 8 cầu RTG, 03 tàu lai dắt để phục vụ khai thác Phân kỳ 2, số thiết bị này đang sản xuất và sẽ được bàn giao theo tiến độ.

- **Phân kỳ 3:** Hiện tại, Công ty đã đặt hàng 2 cầu STS, 23 cầu RTG để phục vụ khai thác Phân kỳ 3, số thiết bị này đang sản xuất và sẽ được bàn giao theo tiến độ.

5. Vận hành khai thác

Công ty đã hoàn thành các thủ tục pháp lý liên quan: Nạo vét khu nước trước bến; thông báo hàng hải vùng quay tàu; Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu; An ninh cảng biển; nghiệm thu xây dựng và PCCC; công bố mở cảng biển; Giấy phép môi trường....Hiện tại, Phân kỳ 1 và một phần Phân kỳ 2 đã đưa vào vận hành khai thác ổn định. Công ty đang thực hiện các thủ tục pháp lý khai thác cho phần còn lại của Phân kỳ 2 và cũng như các phân kỳ còn lại sau khi hoàn thành xây dựng.

II. LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN

1. Theo quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Bộ Xây dựng phê duyệt tại Quyết định số 979/QĐ-BXD ngày 30/6/2025, Cảng Phước An được quy hoạch bao gồm 9 bến với tổng chiều dài 2.830m. Trong đó, quy hoạch đến năm 2030 đưa vào khai thác bao gồm 6 bến với tổng chiều dài 1.880m. do đó việc điều chỉnh tiến độ thực hiện Dự án Cảng Phước An là cần thiết và phù hợp với quy hoạch, quy định tại điểm d khoản 4 Điều 33 Luật Đầu tư 2025.

2. Dự án đã được phê duyệt khá lâu, có sự trượt giá đặc biệt về chi phí xây dựng, chi phí thiết bị do chủ yếu phải nhập khẩu nên cơ cấu các chi phí không còn phù hợp, do đó cần cập nhật, điều chỉnh lại Tổng mức đầu tư của dự án.

III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH

Để thuận tiện trong việc quản lý, thực hiện đầu tư, cũng như phù hợp với các quy định quản lý hiện hành của Nhà nước, Căn cứ báo cáo của Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng cảng Phước An, với các nội dung như sau:

1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng cảng Phước An

2. Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng cảng Phước An

3. Quy mô dự án: Đầu tư xây dựng cảng Phước An là cảng biển quốc tế, đầu mối trong khu vực, đón tàu có tải trọng đến 60.000 DWT, gồm 09 bến với tổng chiều dài 2.830 m.

Trong quá trình thiết kế, tính toán kết cấu bến đảm bảo đáp ứng khai thác tàu có tải trọng lớn hơn trong tương lai khi cảng được nâng cấp quy hoạch.

4. Địa điểm thực hiện dự án: xã Phước An, thành phố Đồng Nai.

5. Diện tích sử dụng đất khoảng: 164,4 ha.

6. Tổng mức đầu tư của dự án: 28.351.972.704.768 đồng, trong đó vốn góp thực hiện dự án là 4.252.795.905.715 đồng (chiếm 15% tổng mức đầu tư), được chia làm 3 phân kỳ đầu tư:

a. Phân kỳ 1 (từ năm 2017 - 2024): tổng vốn đầu tư là 5.294.552.252.000 đồng, trong đó vốn Chủ sở hữu 794.182.837.800 đồng.

b. Phân kỳ 2 (từ năm 2024 - 2027): tổng vốn đầu tư là 8.584.314.934.596 đồng, vốn chủ sở hữu 1.287.647.240.189 đồng, trong đó:

- Phân kỳ 2.1 là 7.539.439.122.099 đồng, vốn chủ sở hữu 1.130.915.868.315 đồng.

- Phân kỳ 2.2 là 1.044.875.812.497 đồng, vốn chủ sở hữu 156.731.371.875 đồng.

b. Phân kỳ 3 (từ năm 2025 - 2031): tổng vốn đầu tư là 14.473.105.518.172 đồng, vốn Chủ sở hữu là 2.170.965.827.726 đồng, trong đó:

- Phân kỳ 3.1 là 8.490.609.713.172 đồng, vốn chủ sở hữu 1.273.591.456.976 đồng.

- Phân kỳ 3.2 là 5.982.495.805.000 đồng, vốn chủ sở hữu 897.374.370.750 đồng.

7. Tiến độ thực hiện dự án: Từ năm 2017 - 2031, được đầu tư theo 3 phân kỳ:

a. Phân kỳ 1 (từ năm 2017 - 2024): Thực hiện xây dựng 02 bến container khai thác đồng thời hàng container và hàng tổng hợp, cầu nội bộ, bãi container, bãi hàng tổng hợp, đường nội bộ, nhà điều hành chính, trạm cấp điện, kho xưởng, các hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, phòng cháy chữa cháy, thông tin liên lạc, cổng cảng, trạm cân, hàng rào và nhà vệ sinh.

b. Phân kỳ 2 (từ năm 2024 - 2027): Thực hiện xây 03 bến container, cầu nội bộ, bãi container, bãi hàng tổng hợp, bãi tập kết thiết bị, bãi đỗ xe, đường nội bộ, kho kín, xưởng sửa chữa, khu sửa chữa RTG, nhà điều hành phụ, nhà nghỉ công nhân, trạm hải quan, trạm cấp điện, trạm cấp nước, trạm cấp phát xăng dầu, trạm xử lý nước thải, khu vệ sinh container, trạm gom rác, nhà bảo vệ, cổng cảng, cây xanh.

c. Phân kỳ 3 (từ năm 2025 - 2031): Thực hiện xây 02 bến container, 02 bến hàng tổng hợp, cầu nội bộ, bãi container, bãi hàng tổng hợp, xưởng sửa chữa, khu sửa chữa RTG, khu vực vệ sinh container, trạm hải quan, trạm cấp điện, trạm cấp nước, trạm cấp phát nhiên liệu, trạm gom rác, đường nội bộ, kho kín, cây xanh, hoàn thiện toàn bộ công trình.

Các nội dung điều kiện nhà đầu tư; thời gian hoạt động dự án tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7530322848 ngày 03/07/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp không thay đổi.

8. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý thực hiện dự án. Ban Quản lý dự án trực thuộc Công ty PAP thay mặt Chủ đầu tư quản lý công tác đầu tư xây dựng.

IV. KIẾN NGHỊ

Hội đồng Quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông chấp thuận chủ trương Điều chỉnh Dự án Đầu tư xây dựng Cảng Phước An theo mục III của Tờ trình này và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị tổ chức thực hiện, quyết định và phê duyệt các công việc, thủ tục cần thiết để triển khai Dự án Đầu tư xây dựng Cảng Phước An, bao gồm việc điều chỉnh Dự án, đầu tư các Phân kỳ còn lại và các nội dung có liên quan, trên cơ sở chủ trương được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận tại Tờ trình này,

phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

1. Làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và thực hiện các thủ tục liên quan đến việc điều chỉnh Dự án Đầu tư xây dựng Cảng Phước An cho phù hợp với tình hình thực tế, quy hoạch và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Quyết định, phê duyệt các nội dung điều chỉnh Dự án, bao gồm thay đổi, bổ sung mục tiêu đầu tư, phân chia các Phân kỳ, điều chỉnh tiến độ thực hiện, tổng vốn đầu tư và các nội dung khác có liên quan theo quy định.

3. Thực hiện các thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh Dự án đầu tư trong trường hợp có thay đổi quy hoạch, tổng mức đầu tư hoặc các nội dung khác theo quy định của Nhà nước; quyết định, phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

4. Tổ chức triển khai lập hồ sơ thiết kế, lập dự toán, lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu và thực hiện các thủ tục có liên quan đến đầu tư xây dựng các Phân kỳ còn lại của Dự án Đầu tư xây dựng Cảng Phước An theo quy định.

5. Phê duyệt hồ sơ thiết kế, tổng mức đầu tư chính thức trên cơ sở thiết kế, dự toán được lập, thẩm tra, thẩm định theo quy định; phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị đối với các Phân kỳ còn lại của Dự án Đầu tư xây dựng Cảng Phước An.

6. Thực hiện các thủ tục tăng vốn điều lệ, huy động vốn chủ sở hữu và các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm bảo đảm nguồn vốn đối ứng để triển khai đầu tư xây dựng các Phân kỳ còn lại của Dự án Đầu tư xây dựng Cảng Phước An.

7. Quyết định phương án huy động vốn, thu xếp và sử dụng nguồn vốn để thực hiện đầu tư xây dựng các Phân kỳ còn lại của Dự án, bao gồm vốn chủ sở hữu, vốn vay, hạn mức tín dụng và các nguồn vốn hợp pháp khác; quyết định việc vay vốn, ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng vay, thỏa thuận tài trợ và các tài liệu có liên quan.

8. Quyết định các biện pháp bảo đảm cho nghĩa vụ tài chính của Công ty liên quan đến việc huy động vốn thực hiện các Phân kỳ còn lại của Dự án, bao gồm thế chấp, cầm cố tài sản, tài sản hình thành trong tương lai và các biện pháp bảo đảm khác theo quy định của pháp luật.

9. Lựa chọn nhà thầu, nhà cung cấp; đàm phán, ký kết và thực hiện các hợp đồng phục vụ triển khai các Phân kỳ còn lại của Dự án; quyết định các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị trong quá trình triển khai thực hiện Dự án.

10. Quyết định các vấn đề liên quan đến hợp tác đầu tư, liên doanh, liên kết với các đối tác có năng lực và kinh nghiệm để triển khai toàn bộ hoặc từng phần Dự án Đầu tư xây dựng Cảng Phước An, phù hợp với quy định của pháp luật và bảo đảm hiệu quả đầu tư của Công ty.

11. Tổ chức kinh doanh, khai thác có hiệu quả Dự án Đầu tư xây dựng Cảng Phước An, trước mắt tập trung khai thác hiệu quả Phân kỳ 1 và các hạng mục đủ điều kiện đưa vào khai thác thuộc Phân kỳ 2, nhằm đáp ứng nhu cầu hàng hóa của khách hàng trong và ngoài khu vực, nâng cao hiệu quả đầu tư và mang lại lợi ích cho cổ đông.

12. Tổ chức triển khai, hoàn thành đầu tư xây dựng các Phân kỳ còn lại của Dự án theo đúng tiến độ, chất lượng, quy mô, hiệu quả đầu tư và các mục tiêu được phê duyệt.

13. Quyết định và thực hiện các công việc, thủ tục khác có liên quan hoặc phát sinh trong quá trình triển khai Dự án và các Phân kỳ còn lại, thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị, nhằm bảo đảm Dự án được triển khai đồng bộ, liên tục và hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và chủ trương được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các nội dung được ủy quyền, báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất theo quy định.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận làm cơ sở để Hội đồng Quản trị tổ chức triển khai thực hiện.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website PAP;
- Lưu: VT, HĐQT.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN
DẦU KHÍ ĐẦU TƯ
KHAI THÁC CẢNG
PHƯỚC AN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thành Đạt



TỜ TRÌNH

V/v Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dầu khí Dầu tư Khai thác Cảng Phước An;

Căn cứ Văn bản kiến nghị của cổ đông về việc điều chỉnh số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ tình hình hoạt động thực tế, cơ cấu tổ chức và định hướng phát triển của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dầu khí Dầu tư Khai thác Cảng Phước An kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị liên quan đến số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

I. Lý do sửa đổi, bổ sung

Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty, Hội đồng quản trị gồm 07 (bảy) thành viên.

Ngày 04/08/2026, Công ty nhận được Văn bản kiến nghị của cổ đông về việc điều chỉnh số lượng thành viên Hội đồng quản trị, theo đó đề nghị giảm số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 07 (bảy) thành viên xuống còn 05 (năm) thành viên.

Việc điều chỉnh số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhằm:

- Ghi nhận và thực hiện theo kiến nghị hợp pháp của cổ đông/nhóm cổ đông, phù hợp với định hướng cơ cấu quản trị doanh nghiệp;

- Tinh gọn cơ cấu quản trị, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị;

- Rút ngắn thời gian trao đổi, thảo luận và ra quyết định, nâng cao tính kịp thời trong công tác quản trị doanh nghiệp;

- Tối ưu hóa chi phí quản trị, tiết giảm chi phí thù lao và chi phí vận hành liên quan đến bộ máy quản trị, góp phần tập trung nguồn lực cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư của Công ty;

- Bảo đảm cơ cấu Hội đồng quản trị phù hợp với quy mô hoạt động, cơ cấu tổ chức và định hướng phát triển của Công ty trong thời gian tới.

Trên cơ sở kiến nghị của cổ đông và căn cứ tình hình hoạt động thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị nhận thấy việc điều chỉnh số lượng thành viên Hội đồng



quản trị từ 07 (bảy) thành viên xuống còn 05 (năm) thành viên là phù hợp, góp phần tinh gọn cơ cấu tổ chức và nâng cao hiệu quả quản trị Công ty.

Việc điều chỉnh số lượng thành viên Hội đồng quản trị đồng thời cần được cập nhật, sửa đổi tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; đồng thời rà soát, cập nhật các quy định pháp luật hiện hành có liên quan, bao gồm các Nghị định, Thông tư và văn bản hướng dẫn, nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và phù hợp với quy định pháp luật.

II. Nội dung sửa đổi, bổ sung

1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty: Theo Bảng tổng hợp nội dung sửa đổi, bổ sung và dự thảo Điều lệ Công ty đính kèm.

2. Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty: Theo Bảng tổng hợp nội dung sửa đổi, bổ sung và dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty đính kèm.

3. Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị: Theo Bảng tổng hợp nội dung sửa đổi, bổ sung và dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đính kèm.

III. Hiệu lực thi hành

Các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị có hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua, trừ trường hợp Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định thời điểm hiệu lực khác.

IV. Kiến nghị

1. Thông qua việc giảm số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 07 (bảy) thành viên xuống còn 05 (năm) thành viên theo kiến nghị của cổ đông.

2. Thông qua Dự thảo Điều lệ Công ty đính kèm Tờ trình này.

3. Thông qua Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty đính kèm Tờ trình này.

4. Thông qua Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đính kèm Tờ trình này.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website PAP;
- Lưu: VT, HDQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**BẢNG TỔNG HỢP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ VÀ CÁC QUY CHẾ
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN**
(Kèm theo Tờ trình số 78/TTr - PAP ngày 03/09/2026)

Sr	Tài liệu và điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và lý do sửa đổi, bổ sung
1	Điều lệ Công ty			
1	Phần giới thiệu thuật ngữ của Điều lệ Công ty	- "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; - "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019	- "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành; - "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành	Cập nhật, bổ sung để phù hợp với quy định pháp luật hiện hành
2	Điều g, h Điều 1 Điều lệ Công ty	g. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty; h. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cả nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty.	g. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; h. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.	Phù hợp với quy định tại Điều 33, 34 Điều lệ Công ty.
3	Khoản 3 Điều 2 Điều lệ Công ty	3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: - Địa chỉ: Cảng Phước An, ấp Bà Trướng, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai.	3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: - Địa chỉ: Cảng Phước An, ấp Bà Trướng, xã Phước An, thành phố Đồng Nai	Cập nhật địa chỉ theo địa giới hành chính
4	Điều d Khoản 1 Điều 25, Điều lệ Công ty	d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác)	d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty khác);	Phù hợp với quy định của Nghị định 245/2025/NĐ-CP
5	Khoản 2 Điều 25, Điều lệ Công ty	2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền góp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa một (01) ứng viên, từ 20% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên, từ 40% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền góp số quyền biểu quyết của tổng cổ đông để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa một (01) ứng viên, từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên, từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên	Phù hợp quy mô HĐQT 05 thành viên và quyền đề cử của cổ đông lớn sở hữu trên 50% cổ phần
6	Khoản 1 và 3 Điều 26, Điều lệ Công ty	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (07) người. 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người; 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo theo quy định dưới đây và Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. a. Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 01 đến 05 thành viên; b. Có tối thiểu 02 thành viên thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; c. Có tối thiểu 03 thành viên thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên	Thay đổi số lượng thành viên; Phù hợp với Khoản 79 Điều 1 của Nghị định 245/2025/NĐ-CP
7	Điều 58 Điều lệ Công ty	1. Bản điều lệ này gồm 21 Chương, 58 Điều được thông qua ngày 18 tháng 03 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 03 năm 2026; 2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó: a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương; b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố Đồng Nai; c. Bốn (04) bản lưu giữ tại tư sở chính của Công ty; 3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty; 4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc hai (02) thành viên Hội đồng quản trị	1. Bản Điều lệ này gồm 21 (hai mươi một) Chương, 58 (năm mươi tám) Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An thông qua ngày ... tháng ... năm 2026 và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận toàn văn; 2. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế toàn bộ Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước đây, bao gồm cả các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ; 3. Điều lệ này là bản Điều lệ duy nhất và chính thức của Công ty; 4. Các bản sao, bản trích lục Điều lệ Công ty có giá trị sử dụng khi được Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị ký xác nhận theo thẩm quyền; 5. Điều lệ này được lập và lưu giữ tại tư sở chính của Công ty và được công bố, cung cấp theo quy định của pháp luật.	Phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty

Số	Tài liệu và điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và lý do sửa đổi, bổ sung
II Quy chế nội bộ về quản trị công ty				
1	Khoản 2, Điều 3 Quy chế nội bộ về quản trị công ty	2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông với VSD theo Quy chế thực hiện quyền do VSD ban hành.	2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông với Tổng Công ty Lưu ký và Bảo trữ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) theo Quy chế thực hiện quyền do VSDC ban hành.	Cập nhật tên gọi từ VSD thành VSDC
2	Điều 26 Quy chế nội bộ về quản trị công ty	Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 07 (bảy) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bầu tại Đại hội đồng cổ đông sẽ được tính nhiệm kỳ 05 năm từ thời điểm bầu.	Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bầu tại Đại hội đồng cổ đông sẽ được tính nhiệm kỳ 05 năm từ thời điểm bầu.	Phù hợp với Điều lệ Công ty
3	Khoản 1 Điều 27 Quy chế nội bộ về quản trị công ty	1. Cơ cấu Hội đồng quản trị: Số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành tối thiểu là 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.	1. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo theo quy định dưới đây và Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị: a. Cơ cấu tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; b. Cơ cấu tối thiểu 02 thành viên thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; c. Cơ cấu tối thiểu 03 thành viên thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.	Phù hợp với Khoản 79 Điều 1 của Nghị định 245/2025/NĐ-CP và Điều lệ Công ty
III Quy chế Hội đồng quản trị Công ty				
1	Điều 5, Quy chế Hội đồng quản trị	1. Hội đồng quản trị có 07 (bảy) thành viên. 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo theo quy định dưới đây và Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị: a. Cơ cấu tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; b. Cơ cấu tối thiểu 02 thành viên thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; c. Cơ cấu tối thiểu 03 thành viên thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.	Phù hợp với Khoản 79 Điều 1 của Nghị định 245/2025/NĐ-CP và Điều lệ Công ty
2	Điểm a Khoản 1 Điều 9, Quy chế Hội đồng quản trị	a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền góp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.	a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền góp số quyền biểu quyết của từng cổ đông để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.	Phù hợp quy mô HĐQT 05 thành viên và quyền đề cử của cổ đông lớn sở hữu trên 50% cổ phần





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC
CẢNG PHƯỚC AN

Đồng Nai, ngày tháng 09 năm 2026

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ Công ty Cổ phần Dầu Khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An được thông qua căn cứ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường số /NQ-PAP ngày /09/2026.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. “Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

d. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

đ. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e. “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

g. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

h. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

i. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;

k. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;

l. “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Khoản 5 Điều 2 Điều lệ này;

m. “Sở giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

- Tên tiếng Anh: PETROVIETNAM PHUOC AN PORT INVESTMENT & OPERATION JOINT STOCK COMPANY

- Tên giao dịch: CẢNG PHƯỚC AN

- Tên viết tắt: PAP

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: Cảng Phước An, ấp Bà Trường, xã Phước An, thành phố Đồng Nai, Việt Nam.

- Điện thoại (*Phone*): 0251 3685588; 19005168;

- Email: info@phuocanport.com

- Website: <https://phuocanport.com>

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước hạn quy định tại khoản 2 Điều 54, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được thực hiện theo các quy định của Luật doanh nghiệp, Luật dân sự và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

- Đầu tư, vận hành, khai thác cảng biển, logistics. Kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư và Khu đô thị, dịch vụ nhà ở công nhân và các dịch vụ khác có liên quan phù hợp với quy định của pháp luật;

- Sản xuất điện, mã ngành 3511 (trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội);

- Truyền tải và phân phối điện, mã ngành 3512 (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội);

- Xây dựng công trình điện, mã ngành 4221 (trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

a. Thu lợi nhuận tối đa;

b. Không ngừng nâng cao lợi ích của các Cổ đông;

c. Tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập và tinh thần của người lao động;

d. Phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh;

e. Đóng góp cho Ngân sách Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia (trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan).

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thông qua điều lệ này là 3.570.000.000.000 đồng (Ba nghìn năm trăm bảy mươi tỷ đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 357.000.000 (Ba trăm năm mươi bảy triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với các điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn sáu mươi (60) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ tối đa bằng 150% lãi suất cho vay cùng kỳ hạn của Ngân hàng tốt nhất Việt Nam vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

4. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

5. Thanh toán đủ và đúng hạn số cổ phần cam kết mua.

6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn

họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o. Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

s. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và Điều 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chỉnh thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa thông báo ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người tham dự.

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác.

- e. Tổ chức lại, giải thể Công ty

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp tỷ lệ cụ thể do Điều lệ Công ty quy định.

3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty khác);
- e. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có);
- g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng cổ đông để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp. Thành viên Hội đồng quản trị công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo theo quy định dưới đây và Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

a. Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b. Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c. Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

c. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

d. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

e. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

f. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

g. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

h. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

i. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

j. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;

k. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

l. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

m. Đề xuất loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

n. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

o. Quyết định giá bán cổ phần, trái phiếu của Công ty;

p. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

q. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

r. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức

thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai

nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo họp Hội đồng quản trị chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác, và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 12 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc;

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty
- d. Kiến nghị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, di lại và chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, can trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm

soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những giao dịch có giá trị lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Công ty có 02 (hai) con dấu, một con dấu được lưu lại trụ sở chính của Công ty, một con dấu được lưu giữ tại bộ phận Thư ký của Chủ tịch HĐQT Công ty.
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty hoặc thỏa thuận giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trọng tài kinh tế chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 (hai mươi mốt) Chương, 58 (năm mươi tám) Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An thông qua ngày ... tháng ... năm 2026 và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận toàn văn.

2. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế toàn bộ Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước đây, bao gồm cả các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

3. Điều lệ này là bản Điều lệ duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao, bản trích lục Điều lệ Công ty có giá trị sử dụng khi được Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị ký xác nhận theo thẩm quyền.

5. Điều lệ này được lập và lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty và được công bố, cung cấp theo quy định của pháp luật.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN THÀNH ĐẠT





Đồng Nai, ngày tháng 09 năm 2026

DỰ THẢO QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026
số ngày /09/2026)

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An;

Căn cứ Nghị quyết số...../NQ-ĐHĐCĐ ngày tháng 09 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An;

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.



CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên: theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 Điều lệ Công ty.
2. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường: theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty.

Điều 4. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có

quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị tổ chức họp và ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội. Nghị quyết Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) theo Quy chế thực hiện quyền do VSDC ban hành.

Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 2 Điều này chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do, trong các trường hợp sau:

- a. Đề xuất được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty
- c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông
- d. Các trường hợp khác.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; đề xuất được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 8. Ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty.

Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được qui định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội *(được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông)* về Công ty

b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này; Việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty. Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử. Cổ đông gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo, fax, thư điện tử đến Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) ngày trước khi khai mạc cuộc họp;
- Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với qui định của Pháp luật.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Quy định tại khoản 1 Điều 20 điều lệ Công ty.

Điều 10. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.

Điều 11. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

1. Nguyên tắc chung

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

- Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem là không hợp lệ. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và

số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ;

- Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

Điều 12. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

1. Nguyên tắc chung:

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự ứng cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử:

Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu:

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;

- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);

- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp phiếu cũ;

- Nguyên tắc trúng cử:

+ Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

+ Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

+ Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

Điều 13. Cách thức kiểm phiếu

Đối với thẻ biểu quyết, việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

Đối với phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử, cổ đông hoặc đại diện ủy quyền bỏ phiếu vào thùng phiếu được ban tổ chức chuẩn bị từ trước, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc số phiếu bầu.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 14. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

Điều 15. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề, việc kiểm phiếu phải được lập thành biên bản có chữ ký của các thành viên ban kiểm phiếu. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 16. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông theo Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Quy định cụ thể việc yêu cầu mua lại của cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp cổ đông yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: thực hiện theo Điều 24 Điều lệ Công ty.

Điều 17. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 23 Điều lệ Công ty.

Điều 18. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 19. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

Các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông đều có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

Điều 20. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

Điều 21. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

Thực hiện theo Quy chế họp Hội nghị trực tuyến được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Điều 22. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Thực hiện theo Quy chế hợp Hội nghị trực tuyến được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị: theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.

Điều 24. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều 42, Điều 43 Điều lệ Công ty.

Điều 25. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

Điều 26. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bầu tại Đại hội đồng cổ đông sẽ được tính nhiệm kỳ 05 năm từ thời điểm bầu.

Điều 27. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo theo quy định dưới đây và Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

a. Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b. Có tối thiểu 02 thành viên thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c. Có tối thiểu 03 thành viên thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị: theo quy định tại Khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

Điều 28. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo Điều 25 Điều lệ Công ty.

Điều 29. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

Điều 30. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị: theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

2. Các trường hợp bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại thấp hơn số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện;

b. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a, b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 31. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 32. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị hoặc các đối tượng khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 30 Điều lệ Công ty triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham

giả bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 28 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện, trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử...

3. Hội đồng quản trị tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Quy chế này.

4. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:

- Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3, Điều này;

- Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;

- Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 33. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Thủ lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

Thực hiện theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty.

Điều 35. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo quý

Hội đồng quản trị họp tối thiểu mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

Điều 36. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Các trường hợp khác (nếu có).

2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu trên phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 1 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 37. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.

2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 38. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của Kiểm soát viên

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 39. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).

2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời;

c. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Điều 40. Cách thức biểu quyết

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 12 Điều 30 Điều lệ Công ty.

- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Điều 41. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

Điều 42. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 43. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

Điều 44. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

Điều 45. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông báo/công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 46. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty.

Điều 47. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty

Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 48. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp.

Điều 49. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm/miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
2. Người phụ trách quản trị công ty có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 50. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 51. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 32 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT

Điều 52. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Vai trò của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát: quy định tại Điều 39 Điều lệ Công ty.

3. Trách nhiệm của Kiểm soát viên: Thực hiện theo quy định tại Điều 42, Điều 43 Điều lệ Công ty.

4. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát: Thực hiện theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp.

Điều 53. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 54. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty.

Điều 55. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty;

Điều 56. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 57. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thực hiện theo quy định tại Khoản 3, khoản 4 Điều 37 Điều lệ Công ty.

Điều 58. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 59. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên

Thực hiện theo quy định tại Điều 41 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG V: TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 60. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Vai trò của Tổng Giám đốc: Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao

2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc: thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Điều lệ Công ty.

3. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc: thực hiện theo quy định tại Điều 42, Điều 43 Điều lệ Công ty.

Điều 61. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc;

1. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp.

Điều 62. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác.

Điều 63. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

2. Khi Tổng Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị trước 30 ngày. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn, Hội đồng quản trị xem xét và quyết định

3. Tổng Giám đốc đương nhiệm mất tư cách khi xảy ra các trường hợp: chết, mất năng lực hành vi dân sự, mất quyền công dân, tự ý bỏ nhiệm sở, vi phạm Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới trong thời hạn tối đa 30 ngày.

Điều 64. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ

Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 65. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

CHƯƠNG VI: CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 66. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp các cuộc họp Hội đồng quản trị được quy định tại điều 30 Điều lệ Công ty và Điều 157 Luật Doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị có thể cử một người trong số họ hoặc một người khác làm thư ký cuộc họp để thực hiện ghi biên bản cuộc họp.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. Tổng Giám đốc điều hành có thể được mời tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị và tham gia phát biểu ý kiến (nếu được yêu cầu) nhưng không được biểu quyết.

Điều 67. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát

Nghị quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 68. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc

Nghị quyết Hội đồng quản trị *(với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc)* sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 69. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị

a. Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty;

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 5 Điều 39 Điều lệ Công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả.

b. Tổng Giám đốc điều hành có thể đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc điều hành theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty không được thực thi;

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của những người điều hành khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả.

2. Những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

a. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

b. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

c. Đề xuất tuyển dụng người điều hành khác của Công ty;

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e. Xin ý kiến Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

f. Xin ý kiến Hội đồng quản trị đối với các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

h. Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.

Điều 70. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Báo cáo về tình hình thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

4. Báo cáo hàng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động

5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác.

6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

Điều 71. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc điều hành về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 70 Quy chế này, Hội đồng quản trị sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị với Tổng Giám đốc.

Điều 72. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Các vấn đề Tổng Giám đốc điều hành phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị:

a. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định

b. Khi chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được Tổng Giám đốc trình đề Hội đồng quản trị thông qua

c. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp

d. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành

e. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, các công ty khác (nếu có) do Công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật

f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

2. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Ban kiểm soát:

a. Tổng Giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với Ban kiểm soát nhằm đảm bảo Ban kiểm soát thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

b. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị

c. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 73. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

1. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị: Ban kiểm soát có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:

a. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông

b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị (cùng lúc yêu cầu cả Tổng Giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm

c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản *(không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc)* gửi cho Hội đồng quản trị để có thêm cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải báo cáo thống nhất với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất

d. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả

e. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, các công ty khác (nếu có) do công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật

f. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì Ban kiểm soát phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi

g. Các nội dung kiến nghị đến Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

2. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc: Ban kiểm soát có chức năng kiểm tra và giám sát:

a. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên Hội đồng quản trị, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm

b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền báo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trường Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất

c. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Tổng Giám đốc trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả

d. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ

e. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của Ban kiểm soát phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với thời gian dự định nhận được phản hồi. Ban kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan

f. Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh công ty của Ban kiểm soát phải được gửi đến Tổng Giám đốc trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi

3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị: Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

a. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu

b. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định

c. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty

d. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý

e. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành

f. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, các công ty khác (nếu có) do Công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật

g. Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 69 Quy chế này Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi Hội đồng quản trị.

Điều 74. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.

2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được Hội đồng quản trị cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v....

3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên Hội đồng quản trị.

4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

Điều 75. Khen thưởng

1. Đối tượng: các cá nhân theo chế độ khen thưởng do Hội đồng quản trị quy định.

2. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định..

3. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp khác: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng Giám

dốc sẽ đề xuất Hội đồng quản trị phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 76. Kỷ luật

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 77. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An bao gồm 6 Chương, 77 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được ĐHĐCĐ công ty thông qua.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT**

NGUYỄN THÀNH ĐẠT





**DỰ THẢO QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026
số ngày /09/2026)*

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dầu khí Dầu tư Khai thác Cảng Phước An;

Căn cứ Nghị quyết số .../NQ-DHDCĐ ngày ... tháng ... năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dầu khí Dầu tư Khai thác Cảng Phước An;

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dầu khí Dầu tư Khai thác Cảng Phước An ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận; c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 (năm) thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Bổ sung:

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội

đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo theo quy định dưới đây và Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

a. Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b. Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c. Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng tổng số công ty mà thành viên này làm thành viên Hội đồng quản trị không được quá 5 công ty.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch

Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện;

c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;

Bổ sung (ưu tiên): Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng cổ đông để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Các thông tin khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

c. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

d. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

e. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

f. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

g. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

h. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

i. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

j. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;

k. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

l. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

m. Đề xuất loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

n. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

o. Quyết định giá bán cổ phần, trái phiếu của Công ty;

p. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

q. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

r. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn

trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty

- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật

- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan

- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát

- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Luật Doanh nghiệp hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp
- b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông
- c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp
- d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp
- e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát
- f. Xác định thời gian và địa điểm họp
- g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp
- h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát
- b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Họp bằng hình thức trực tuyến

a. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

b. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện;

c. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp bằng hình thức trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này. Không thành viên Hội đồng quản trị nào có quyền từ chối khẳng định bằng chữ ký trong biên bản của cuộc họp nói trên, trừ khi trong cuộc họp trên, thành viên Hội đồng quản trị đó đã bày tỏ sự không tán thành hoặc bảo lưu ý kiến của mình đối với các Quyết định được thông qua trong cuộc họp đó.

13. Thành phần tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị

a. Thành phần tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc được mời họp dự thỉnh;

b. Những cán bộ quản lý khác, đại diện các tổ chức cơ sở Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên có thể được mời tham dự cuộc họp khi thấy cần thiết;

c. Khi thảo luận về các vấn đề liên quan đến thẩm quyền quyết định của cơ quan Nhà nước thì Hội đồng quản trị có thể mời đại diện cơ quan nhà nước có liên quan tham dự cuộc họp;

d. Những người được mời họp dự thỉnh không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

14. Chuẩn bị nội dung để thảo luận trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị

a. Trừ khi có quy định khác, Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm chuẩn bị các nội dung cần thảo luận tại cuộc họp Hội đồng quản trị theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

b. Các thành viên Hội đồng quản trị, các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị nghiên cứu các nội dung có liên quan đã được Tổng giám đốc Công ty chuẩn bị và đề xuất ý kiến hoặc biện pháp giải quyết để Hội đồng quản trị xem xét quyết nghị.

15. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 17. Thông qua các Nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Đối với các vấn đề không cần thiết phải triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc không có điều kiện để triệu tập họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tổ chức lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản với điều kiện là các thành viên Hội đồng quản trị phải nhận được đầy đủ các tài liệu có liên quan đến những nội dung được đề nghị Hội đồng quản trị xem xét quyết nghị.
2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

CHƯƠNG V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban điều hành

1. Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

2. Hội đồng quản trị không can thiệp trực tiếp vào công tác điều hành của Tổng Giám đốc Công ty. Hội đồng quản trị có thể tham dự các buổi họp giao ban hàng tháng của bộ máy điều hành Công ty, các cuộc họp xét duyệt các dự án đầu tư, đề án hợp tác... do Tổng Giám đốc Công ty chủ trì trước khi trình Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt. Hàng năm, nếu cần thiết, Hội đồng quản trị có kế hoạch làm việc với các đơn vị trong Công ty để kiểm tra, giám sát việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị để kịp thời xử lý các kiến nghị có liên quan thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị sử dụng các phòng ban chức năng và/ hoặc các chuyên viên của Công ty để giúp Hội đồng quản trị xem xét, cho ý kiến tư vấn về các vấn đề có liên quan.

4. Các công văn, tài liệu giao dịch gửi đến cho Hội đồng quản trị, sau khi vào sổ theo dõi, phải được chuyển cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền để xử lý. Những công văn, tài liệu giao dịch của cổ đông hoặc của các cơ quan cấp trên gửi đến Công ty có nội dung liên quan đến thẩm quyền của Hội đồng quản trị phải được sao gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền để phối hợp xử lý.

5. Các công văn, tài liệu giao dịch do Hội đồng quản trị ban hành hoặc gửi đi được đăng ký theo mã số Hội đồng quản trị và được lưu tại Thư ký Hội đồng quản trị.

6. Hội đồng quản trị sử dụng con dấu của Công ty để ban hành các văn bản thực hiện công tác lãnh đạo, quản lý trong Công ty và/ hoặc để thực hiện các giao dịch với tổ chức/ cá nhân ngoài Công ty.

Điều 23. Nguyên tắc phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc được quy định như sau:

1. Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải phối hợp hoạt động theo tinh thần đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và điều hành của đơn vị; đảm bảo đoàn kết nội bộ và tăng cường sự hỗ trợ nhau trong lãnh đạo, chỉ đạo vì sự phát triển của Công ty và theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình thông qua các nghị quyết, quyết định và yêu cầu Tổng giám đốc thực hiện. Trừ trường hợp khẩn cấp do yêu cầu của SXKD, Hội đồng quản trị sẽ xử lý và trả lời chậm nhất trong vòng bảy (07) ngày kể từ khi nhận được các tờ trình hoặc công văn đề nghị của Tổng Giám đốc. Đối với các vấn đề lớn cần họp Hội đồng quản trị hoặc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản, Hội đồng quản trị sẽ xử lý và trả lời chậm nhất trong vòng mười lăm (15) ngày.

3. Đối với việc ký kết hợp đồng có liên quan đến trách nhiệm Hội đồng quản trị hoặc phải trình Hội đồng quản trị quyết định thì Tổng Giám đốc có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị biết để tham dự hoặc cử thành viên Hội đồng quản trị khác tham dự với tư cách Hội đồng quản trị nếu xét thấy cần thiết.

4. Các cuộc họp do các cơ quan liên quan, các đối tác, khách hàng... mời Công ty tham dự (trừ trường hợp mời đích danh) có tính chất đặc biệt quan trọng, có liên quan đến đối mới tổ chức, cơ chế, chính sách, hướng phát triển trung, dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Công ty thì Tổng Giám đốc thông báo cho Hội đồng quản trị biết để tham dự nếu có điều kiện.

5. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc trong quan hệ công việc với Hội đồng quản trị

a. Tổng Giám đốc là người tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Trong khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị để xem xét và điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định (nếu cần). Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị.

Tổng Giám đốc có quyền từ chối thực hiện những nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị hoặc các thành viên Hội đồng quản trị nếu xét thấy trái với pháp luật,

trái với Điều lệ Công ty hoặc trái với quyết định của Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có trách nhiệm thông báo ngay bằng văn bản cho Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc tự chịu trách nhiệm về những ý kiến của mình trước pháp luật và Hội đồng quản trị đối với những vấn đề nói trên.

b. Các trách nhiệm khác của Tổng Giám đốc được nêu tại khoản 4 điều 35 Điều lệ Công ty.

Điều 24. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Điều 25. Quan hệ với tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên

Hội đồng quản trị phối hợp và tạo điều kiện để tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của các tổ chức này tại Công ty.

Điều 26. Quan hệ với cổ đông và cơ quan truyền thông báo chí

1. Hội đồng quản trị bảo đảm thực hiện quan hệ thường xuyên với các cổ đông của Công ty thể hiện bằng việc công bố các tài liệu, báo cáo tài chính định kỳ theo quy định của Điều lệ Công ty, cung cấp những thông tin quan trọng về hoạt động của Công ty.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo đảm tính minh bạch trong quản lý, điều hành mọi mặt hoạt động của Công ty cũng như thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với các cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo xử lý kịp thời và công khai các kiến nghị, khiếu nại (nếu có) của cổ đông.

4. Các thành viên Hội đồng quản trị không được tự ý thay mặt Công ty phát ngôn với các cơ quan truyền thông, báo chí, với cổ đông về các vấn đề liên quan đến Công ty. Ngoại trừ có các quy định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm thay mặt Công ty phát ngôn chính thức với cơ quan truyền thông về các vấn đề liên quan của Công ty.

5. Chủ tịch và các ủy viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo quản và lưu giữ các tài liệu liên quan đến Công ty và không được cho các cá nhân, công ty khác mượn sao chụp, ghi chép các thông tin liên quan đến Công ty làm ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tuân thủ các quy định an toàn bảo mật hiện hành của Nhà nước và của Công ty.

CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An bao gồm 7 Chương, 27 Điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày được ĐHĐCĐ Công ty thông qua./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT**

NGUYỄN THÀNH ĐẠT



TỜ TRÌNH

V/v miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 - 2029

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Căn cứ Văn bản kiến nghị của cổ đông về việc điều chỉnh số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

Căn cứ tình hình hoạt động thực tế, cơ cấu tổ chức và định hướng phát triển của Công ty.

Để kiện toàn cơ cấu Hội đồng quản trị phù hợp với Điều lệ Công ty sau khi được sửa đổi, bổ sung, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc miễn nhiệm toàn bộ 07 (bảy) thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 - 2029, cụ thể:

1. Miễn nhiệm toàn thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 - 2029

- Ông Nguyễn Thành Đạt - Thành viên HĐQT/ Chủ tịch HĐQT

- Ông Đào Minh Tùng - Thành viên HĐQT

- Ông Nguyễn Hữu Thắng - Thành viên HĐQT

- Ông Trương Hoàng Hải - Thành viên HĐQT

- Ông Nguyễn Thái Phúc - Thành viên HĐQT

- Ông Nguyễn Hồng Sơn - Thành viên HĐQT

- Ông Trần Nhân Tâm - Thành viên HĐQT

2. Việc miễn nhiệm có hiệu lực kể từ thời điểm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung này có hiệu lực, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định thời điểm khác.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website PAP;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Thành Đạt